

Họ và tên học sinh:.....Lớp 10A.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1: Tín dụng là một giao dịch về tài sản giữa bên cho vay và bên đi vay, trong đó bên cho vay chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một khoảng thời hạn nhất định theo thỏa thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi khi

- A. bên cho vay đòi nợ.
- B. không còn độ tin cậy.
- C. có khả năng trả nợ.
- D. đến hạn thanh toán.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thuế?

- A. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
- B. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.
- C. Thuế là công cụ kiểm chế lạm phát, bình ổn giá cả.
- D. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.

Câu 3: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

- A. Thuế nhập khẩu.
- B. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- C. Thuế giá trị gia tăng.
- D. Thuế thu nhập cá nhân.

Câu 4: Nếu muốn sản xuất kinh doanh tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường thì con đường cơ bản phải làm là gì?

- A. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- B. Chỉ cần bỏ vốn đầu tư nhiều.
- C. Chú trọng đến năng suất lao động.
- D. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 5: Một trong những đặc điểm của hoạt động tín dụng được thể hiện qua nội dung nào dưới đây?

- A. Thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- B. Duy trì sự cân bằng của tiền tệ.
- C. Tạo ra lượng tiền nhàn rỗi cho xã hội.
- D. Xây dựng nền tài chính minh bạch.

Câu 6: Vai trò của tín dụng là góp phần tăng lượng vốn đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người

- A. đang cần vốn.
- B. có vốn ổn định.
- C. đang thiếu tiền.
- D. chưa có tiền.

Câu 7: Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Số tiền ngân hàng cung cấp cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ phụ thuộc vào lịch sử tín dụng và

- A. khả năng tài chính của ngân hàng.
- B. nhu cầu mua sắm của chủ thẻ.
- C. thời gian, địa điểm giao dịch.
- D. khả năng tài chính của chủ thẻ.

Câu 8: Doanh nghiệp được hình thành do sự đóng góp của nhiều người với vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau thuộc loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Doanh nghiệp tư nhân.
- B. Công ty cổ phần.
- C. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- D. Hợp tác xã.

Câu 9: Mô hình hộ sản xuất kinh doanh được hình thành trên cơ sở của cá nhân hoặc

- A. của một tập thể người lao động.
- B. của một hộ gia đình làm chủ.
- C. của các doanh nghiệp nhỏ lẻ.
- D. của tập thể người lao động.

Câu 10: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A. Cường chế.
- B. Tự nguyện.
- C. Bắt buộc.
- D. Không bắt buộc.

Câu 11: Các doanh nghiệp sản xuất giấy của Việt Nam luôn phải chú trọng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất là đang đảm bảo cơ chế thị trường theo nguyên tắc của quy luật nào?

- A. cung - cầu. B. lợi nhuận. C. giá cả. D. cạnh tranh.

Câu 12: Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu

- A. chung của các thành viên. B. riêng của mỗi thành viên.
C. tăng nguồn vốn pháp định. D. đổi mới sáng tạo và phát triển.

Câu 13: Hãy chỉ ra đâu là hình thức sở hữu của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

- A. Doanh nghiệp có tên riêng, tài sản riêng. B. Do nhà nước thành lập và quản lí.
C. Nguồn vốn của cá nhân hoặc hộ gia đình. D. Có hình thức sở hữu tài sản chung.

Câu 14: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu chi ngân sách nhà nước là:

- A. Hoàn trả trực tiếp. B. Không hoàn trả trực tiếp.
C. Hoàn trả theo từng đối tượng. D. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế.

Câu 15: Một trong những nguyên tắc hoạt động của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã được biểu hiện như thế nào?

- A. Các thành viên tự nguyện thành lập. B. Tự do đóng hoặc rút tiền vốn.
C. Tương trợ nhau theo thời điểm. D. Sản xuất theo quy trình định sẵn.

Câu 16: Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của các quá trình từ đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích

- A. thu được tài sản. B. mở rộng thị trường.
C. thanh lí tài sản. D. thu được lợi nhuận.

Câu 17: Các đại lí bán cà phê lấy sản phẩm từ những nhà sản xuất về bán lại cho người dùng. Trong trường hợp này, các đại lí bán cà phê đóng vai trò gì trong hoạt động kinh tế của thị trường?

- A. Tác động. B. Chủ đạo. C. Trung gian. D. Quyết định.

Câu 18: Một trong những điều kiện để được vay tín dụng là người vay

- A. tạo được thu nhập ban đầu. B. thay đổi được thời gian trả nợ.
C. có khả năng trả nợ đúng hạn. D. mượn được tài sản thế chấp.

Câu 19: Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng sẽ mang lại cho người gửi

- A. nhận được sự ưu đãi. B. thay thế một khoản nợ.
C. một khoản tiền lãi. D. có được bạn hàng tin cậy.

Câu 20: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra hàng hóa- dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích

- A. đầu tư. B. quảng bá. C. sinh lợi. D. đầu cơ.

Câu 21: Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay vốn cần sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Sử dụng nguồn vốn linh hoạt.
B. Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng hạn.
C. Đầu tư vào lĩnh vực của người cho vay.
D. Chuyển giao công nghệ cho mọi người.

Câu 22: Mục đích chính của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của doanh nghiệp.
B. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của tổ chức.
C. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.
D. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của cá nhân.

Câu 23: Khẳng định nào dưới đây **không đúng** về vai trò của ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
B. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
C. Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
D. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.

Câu 24: Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A. Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- B. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.
- C. Có trách nhiệm đối với người cung cấp hàng hóa.
- D. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.

Câu 25: Khi tham gia dịch vụ tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi

- A. bằng khả năng.
- B. vô điều kiện.
- C. bằng tiềm lực.
- D. vô thời hạn.

Câu 26: Đặc điểm của vay tín chấp là dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục đơn giản, kỳ hạn ngắn, số tiền vay ít nhưng

- A. lãi suất khá cao.
- B. lãi suất tương đối thấp.
- C. phải trả một lần.
- D. không phải trả lãi định kỳ.

Câu 27: Quan hệ tín dụng giữa người cho vay và người đi vay được bảo đảm bằng điều kiện nào dưới đây?

- A. Nguồn vốn của người cho vay.
- B. Tỷ lệ lãi suất định kỳ hàng năm.
- C. Chính sách tiền tệ của Nhà nước.
- D. Tài sản thế chấp hoặc tín chấp.

Câu 28: Doanh nghiệp có từ hai thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên gọi chung. Thành viên góp vốn là tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết đóng góp vào công ty thuộc mô hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Công ty hợp danh.
- B. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- C. Liên minh hợp tác xã.
- D. Doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

Anh T là nhân viên công chức nhà nước. Anh có nhu cầu mua xe ô tô để phục vụ cho công việc và sinh hoạt của gia đình, đồng thời có thể chạy dịch vụ vào những ngày nghỉ cuối tuần. Tuy nhiên số tiền tích lũy chỉ đủ 70% giá trị của chiếc xe cần mua. Theo em, anh T nên sử dụng dịch vụ nào để có lợi ích kinh tế tốt nhất? Em hãy cho biết tiện ích dịch vụ tín dụng này mang lại cho người sử dụng là gì?

Bài 2 (2,0 điểm).

Tình huống: Khi tranh luận về chủ đề “Mục tiêu xây dựng doanh nghiệp nhỏ”

H cho rằng: Doanh nghiệp nhỏ thì mục tiêu duy nhất là lợi nhuận vì doanh nghiệp còn ít vốn, có như vậy doanh nghiệp mới phát triển nhanh và đi xa hơn được.

Tuy nhiên, K lại cho rằng: Dù là doanh nghiệp nhỏ hay lớn thì lợi nhuận phải đi cùng với chất lượng sản phẩm, uy tín doanh nghiệp. Chứ bất chấp mọi vấn đề chỉ để thu về lợi nhuận thì doanh nghiệp sẽ không tồn tại được lâu dài.

H không đồng ý với K, cho rằng: Lợi nhuận phải là trên hết cậu ạ! Phi thương bất phú! Kinh doanh là phải tìm mọi cách để làm giàu. Kinh doanh không vì tiền và lợi là chuyện không tưởng!

Hỏi: Em đồng tình với quan điểm của nhân vật nào trong tình huống sau? Vì sao?

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 10A.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu chi ngân sách nhà nước là:

- A. Không hoàn trả trực tiếp.
- B. Hoàn trả trực tiếp.
- C. Hoàn trả theo từng đối tượng.
- D. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế.

Câu 2: Vai trò của tín dụng là góp phần tăng lượng vốn đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người

- A. chưa có tiền.
- B. đang cần vốn.
- C. đang thiếu tiền.
- D. có vốn ổn định.

Câu 3: Tín dụng là một giao dịch về tài sản giữa bên cho vay và bên đi vay, trong đó bên cho vay chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một khoảng thời hạn nhất định theo thỏa thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi khi

- A. đến hạn thanh toán.
- B. có khả năng trả nợ.
- C. không còn độ tin cậy.
- D. bên cho vay đòi nợ.

Câu 4: Mô hình hộ sản xuất kinh doanh được hình thành trên cơ sở của cá nhân hoặc

- A. của các doanh nghiệp nhỏ lẻ.
- B. của một hộ gia đình làm chủ.
- C. của một tập thể người lao động.
- D. của tập thể người lao động.

Câu 5: Một trong những nguyên tắc hoạt động của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã được biểu hiện như thế nào?

- A. Tự do đóng hoặc rút tiền vốn.
- B. Tương trợ nhau theo thời điểm.
- C. Các thành viên tự nguyện thành lập.
- D. Sản xuất theo quy trình định sẵn.

Câu 6: Khi tham gia dịch vụ tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi

- A. bằng khả năng.
- B. bằng tiềm lực.
- C. vô điều kiện.
- D. vô thời hạn.

Câu 7: Các doanh nghiệp sản xuất giấy của Việt Nam luôn phải chú trọng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất là đang đảm bảo cơ chế thị trường theo nguyên tắc của quy luật nào?

- A. cung - cầu.
- B. lợi nhuận.
- C. giá cả.
- D. cạnh tranh.

Câu 8: Doanh nghiệp được hình thành do sự đóng góp của nhiều người với vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau thuộc loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Hợp tác xã.
- B. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- C. Doanh nghiệp tư nhân.
- D. Công ty cổ phần.

Câu 9: Quan hệ tín dụng giữa người cho vay và người đi vay được bảo đảm bằng điều kiện nào dưới đây?

- A. Nguồn vốn của người cho vay.
- B. Tỷ lệ lãi suất định kì hàng năm.
- C. Chính sách tiền tệ của Nhà nước.
- D. Tài sản thế chấp hoặc tín chấp.

Câu 10: Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu

- A. chung của các thành viên.
- B. riêng của mỗi thành viên.
- C. tăng nguồn vốn pháp định.
- D. đổi mới sáng tạo và phát triển.

Câu 11: Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của các quá trình từ đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích

- A. thu được tài sản.
- B. mở rộng thị trường.
- C. thanh lí tài sản.
- D. thu được lợi nhuận.

Câu 12: Hãy chỉ ra đâu là hình thức sở hữu của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

- A. Doanh nghiệp có tên riêng, tài sản riêng.
- B. Do nhà nước thành lập và quản lí.
- C. Nguồn vốn của cá nhân hoặc hộ gia đình.
- D. Có hình thức sở hữu tài sản chung.

Câu 13: Nếu muốn sản xuất kinh doanh tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường thì con đường cơ bản phải làm là gì?

- A. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- B. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài.
- C. Chú trọng đến năng suất lao động.
- D. Chỉ cần bỏ vốn đầu tư nhiều.

Câu 14: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A. Cường chế.
- B. Không bắt buộc.
- C. Tự nguyện.
- D. Bắt buộc.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thuế?

- A. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.
- B. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
- C. Thuế là công cụ kiểm chế lạm phát, bình ổn giá cả.
- D. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.

Câu 16: Các đại lí bán cả phê lấy sản phẩm từ những nhà sản xuất về bán lại cho người dùng. Trong trường hợp này, các đại lí bán cả phê đóng vai trò gì trong hoạt động kinh tế của thị trường?

- A. Tác động.
- B. Chủ đạo.
- C. Trung gian.
- D. Quyết định.

Câu 17: Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng sẽ mang lại cho người gửi

- A. có được bạn hàng tin cậy.
- B. một khoản tiền lãi.
- C. nhận được sự ưu đãi.
- D. thay thế một khoản nợ.

Câu 18: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

- A. Thuế thu nhập cá nhân.
- B. Thuế nhập khẩu.
- C. Thuế giá trị gia tăng.
- D. Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Câu 19: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra hàng hóa- dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích

- A. đầu tư.
- B. quảng bá.
- C. sinh lợi.
- D. đầu cơ.

Câu 20: Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay vốn cần sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Sử dụng nguồn vốn linh hoạt.
- B. Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng hạn.
- C. Đầu tư vào lĩnh vực của người cho vay.
- D. Chuyển giao công nghệ cho mọi người.

Câu 21: Một trong những điều kiện để được vay tín dụng là người vay

- A. tạo được thu nhập ban đầu.
- B. mượn được tài sản thế chấp.
- C. có khả năng trả nợ đúng hạn.
- D. thay đổi được thời gian trả nợ.

Câu 22: Khẳng định nào dưới đây **không đúng** về vai trò của ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
- B. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
- C. Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- D. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiểm chế lạm phát.

Câu 23: Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A. Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- B. Có trách nhiệm đối với người cung cấp hàng hóa.
- C. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.
- D. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.

Câu 24: Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Số tiền ngân hàng cung cấp cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ phụ thuộc vào lịch sử tín dụng và

- A. khả năng tài chính của ngân hàng.
- B. khả năng tài chính của chủ thẻ.
- C. thời gian, địa điểm giao dịch.
- D. nhu cầu mua sắm của chủ thẻ.

Câu 25: Đặc điểm của vay tín chấp là dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục đơn giản, kỳ hạn ngắn, số tiền vay ít nhưng

- A. lãi suất khá cao.
- B. lãi suất tương đối thấp.
- C. phải trả một lần.
- D. không phải trả lãi định kỳ.

Câu 26: Doanh nghiệp có từ hai thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên gọi chung. Thành viên góp vốn là tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết đóng góp vào công ty thuộc mô hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Công ty hợp danh.
- B. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- C. Liên minh hợp tác xã.
- D. Doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình.

Câu 27: Một trong những đặc điểm của hoạt động tín dụng được thể hiện qua nội dung nào dưới đây?

- A. Tạo ra lượng tiền nhàn rỗi cho xã hội.
- B. Duy trì sự cân bằng của tiền tệ.
- C. Xây dựng nền tài chính minh bạch.
- D. Thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Câu 28: Mục đích chính của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của doanh nghiệp.
- B. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.
- C. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của tổ chức.
- D. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của cá nhân.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

Dành dụm được 300 triệu đồng từ sản xuất chăn nuôi, chị G có ý định gửi ngân hàng để nhận được tiền lãi 6,0%/ năm. Biết chuyện này, chị K chủ một dây hụi đến thuyết phục chị G tham gia chơi hụi để nhận được tiền lời cao hơn lãi suất của ngân hàng. Tình cờ biết chị P cũng đang cần tiền và có ý định vay ngân hàng 300 triệu đồng với lãi suất 8,5%/ năm. Còn chồng chị G lại muốn giữ lại số tiền này và vay thêm tiền để mua xe hơi. Theo em, chị G nên chọn phương án nào để đảm bảo sự an toàn mà vẫn phát huy hiệu quả của đồng tiền? Vì sao?

Bài 2 (2,0 điểm).

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Ông P - anh trai của ông K là người có nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh. Thấy em thành lập doanh nghiệp tư nhân nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm, ông P muốn hỗ trợ nên đề nghị thành lập một công ty hợp danh mang tên PK với hai thành viên hợp danh là ông P và ông K, các bạn bè của hai ông có thể góp vốn cho công ty để được chia lợi nhuận. Cả hai ông chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty và có quyền quản lý, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty. Nhờ uy tín của ông P nên công ty hợp danh PK kinh doanh rất hiệu quả và không ngừng phát triển.

Hỏi:

- a. Công ty hợp danh được thành lập có ít nhất mấy thành viên? Thành viên hợp danh là cá nhân hay tổ chức?
- b. Theo em, thành viên góp vốn có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty?

----- HẾT -----

Câu 12: Nếu muốn sản xuất kinh doanh tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường thì con đường cơ bản phải làm là gì?

- A. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- B. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài.
- C. Chú trọng đến năng suất lao động.
- D. Chỉ cần bỏ vốn đầu tư nhiều.

Câu 13: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A. Cường chế.
- B. Không bắt buộc.
- C. Tự nguyện.
- D. Bắt buộc.

Câu 14: Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng sẽ mang lại cho người gửi

- A. nhận được sự ưu đãi.
- B. có được bạn hàng tin cậy.
- C. một khoản tiền lãi.
- D. thay thế một khoản nợ.

Câu 15: Doanh nghiệp được hình thành do sự đóng góp của nhiều người với vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau thuộc loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- B. Hợp tác xã.
- C. Doanh nghiệp tư nhân.
- D. Công ty cổ phần.

Câu 16: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thuế?

- A. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.
- B. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
- C. Thuế là công cụ kiểm chế lạm phát, bình ổn giá cả.
- D. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.

Câu 17: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

- A. Thuế thu nhập cá nhân.
- B. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- C. Thuế giá trị gia tăng.
- D. Thuế nhập khẩu.

Câu 18: Khẳng định nào dưới đây **không đúng** về vai trò của ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
- B. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
- C. Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- D. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiểm chế lạm phát.

Câu 19: Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Số tiền ngân hàng cung cấp cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ phụ thuộc vào lịch sử tín dụng và

- A. thời gian, địa điểm giao dịch.
- B. nhu cầu mua sắm của chủ thẻ.
- C. khả năng tài chính của ngân hàng.
- D. khả năng tài chính của chủ thẻ.

Câu 20: Một trong những điều kiện để được vay tín dụng là người vay

- A. tạo được thu nhập ban đầu.
- B. mượn được tài sản thế chấp.
- C. có khả năng trả nợ đúng hạn.
- D. thay đổi được thời gian trả nợ.

Câu 21: Hãy chỉ ra đâu là hình thức sở hữu của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

- A. Doanh nghiệp có tên riêng, tài sản riêng.
- B. Nguồn vốn của cá nhân hoặc hộ gia đình.
- C. Có hình thức sở hữu tài sản chung.
- D. Do nhà nước thành lập và quản lí.

Câu 22: Các doanh nghiệp sản xuất giấy của Việt Nam luôn phải chú trọng cải tiến kĩ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất là đang đảm bảo cơ chế thị trường theo nguyên tắc của quy luật nào?

- A. cung - cầu.
- B. lợi nhuận.
- C. cạnh tranh.
- D. giá cả.

Câu 23: Mục đích chính của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của doanh nghiệp.
- B. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.
- C. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của tổ chức.
- D. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của cá nhân.

Câu 24: Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay vốn cần sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Chuyển giao công nghệ cho mọi người.
- B. Sử dụng nguồn vốn linh hoạt.
- C. Đầu tư vào lĩnh vực của người cho vay.
- D. Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng hạn.

Câu 25: Doanh nghiệp có từ hai thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên gọi chung. Thành viên góp vốn là tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết đóng góp vào công ty thuộc mô hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Công ty hợp danh.
- B. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- C. Liên minh hợp tác xã.
- D. Doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình.

Câu 26: Một trong những nguyên tắc hoạt động của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã được biểu hiện như thế nào?

- A. Các thành viên tự nguyện thành lập.
- B. Tự do đóng hoặc rút tiền vốn.
- C. Tương trợ nhau theo thời điểm.
- D. Sản xuất theo quy trình định sẵn.

Câu 27: Quan hệ tín dụng giữa người cho vay và người đi vay được bảo đảm bằng điều kiện nào dưới đây?

- A. Tỷ lệ lãi suất định kỳ hàng năm.
- B. Tài sản thế chấp hoặc tín chấp.
- C. Nguồn vốn của người cho vay.
- D. Chính sách tiền tệ của Nhà nước.

Câu 28: Các đại lý bán cà phê lấy sản phẩm từ những nhà sản xuất về bán lại cho người dùng. Trong trường hợp này, các đại lý bán cà phê đóng vai trò gì trong hoạt động kinh tế của thị trường?

- A. Chủ đạo.
- B. Trung gian.
- C. Tác động.
- D. Quyết định.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

Anh T là nhân viên công chức nhà nước. Anh có nhu cầu mua xe ô tô để phục vụ cho công việc và sinh hoạt của gia đình, đồng thời có thể chạy dịch vụ vào những ngày nghỉ cuối tuần. Tuy nhiên số tiền tích lũy chỉ đủ 70% giá trị của chiếc xe cần mua. Theo em, anh T nên sử dụng dịch vụ nào để có lợi ích kinh tế tốt nhất? Em hãy cho biết tiện ích dịch vụ tín dụng này mang lại cho người sử dụng là gì?

Bài 2 (2,0 điểm).

Tình huống: Khi tranh luận về chủ đề “Mục tiêu xây dựng doanh nghiệp nhỏ”

H cho rằng: Doanh nghiệp nhỏ thì mục tiêu duy nhất là lợi nhuận vì doanh nghiệp còn ít vốn, có như vậy doanh nghiệp mới phát triển nhanh và đi xa hơn được.

Tuy nhiên, K lại cho rằng: Dù là doanh nghiệp nhỏ hay lớn thì lợi nhuận phải đi cùng với chất lượng sản phẩm, uy tín doanh nghiệp. Chứ bất chấp mọi vấn đề chỉ để thu về lợi nhuận thì doanh nghiệp sẽ không tồn tại được lâu dài.

H không đồng ý với K, cho rằng: Lợi nhuận phải là trên hết cậu ạ! Phi thương bất phú! Kinh doanh là phải tìm mọi cách để làm giàu. Kinh doanh không vì tiền và lợi là chuyện không tưởng!

Hỏi: Em đồng tình với quan điểm của nhân vật nào trong tình huống sau? Vì sao?

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 10A.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thuế?

- A. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.
- B. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
- C. Thuế là công cụ kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả.
- D. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.

Câu 2: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra hàng hóa- dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích

- A. đầu tư.
- B. sinh lợi.
- C. quảng bá.
- D. đầu cơ.

Câu 3: Mô hình hộ sản xuất kinh doanh được hình thành trên cơ sở của cá nhân hoặc

- A. của tập thể người lao động.
- B. của một hộ gia đình làm chủ.
- C. của các doanh nghiệp nhỏ lẻ.
- D. của một tập thể người lao động.

Câu 4: Vai trò của tín dụng là góp phần tăng lượng vốn đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người

- A. chưa có tiền.
- B. có vốn ổn định.
- C. đang thiếu tiền.
- D. đang cần vốn.

Câu 5: Một trong những đặc điểm của hoạt động tín dụng được thể hiện qua nội dung nào dưới đây?

- A. Thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- B. Duy trì sự cân bằng của tiền tệ.
- C. Tạo ra lượng tiền nhàn rỗi cho xã hội.
- D. Xây dựng nền tài chính minh bạch.

Câu 6: Quan hệ tín dụng giữa người cho vay và người đi vay được bảo đảm bằng điều kiện nào dưới đây?

- A. Nguồn vốn của người cho vay.
- B. Tỷ lệ lãi suất định kỳ hàng năm.
- C. Chính sách tiền tệ của Nhà nước.
- D. Tài sản thế chấp hoặc tín chấp.

Câu 7: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu chi ngân sách nhà nước là:

- A. Không hoàn trả trực tiếp.
- B. Hoàn trả theo từng đối tượng.
- C. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế.
- D. Hoàn trả trực tiếp.

Câu 8: Khẳng định nào dưới đây **không đúng** về vai trò của ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
- B. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
- C. Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- D. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.

Câu 9: Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của các quá trình từ đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích

- A. thu được lợi nhuận.
- B. thu được tài sản.
- C. thanh lý tài sản.
- D. mở rộng thị trường.

Câu 10: Mục đích chính của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của doanh nghiệp.
- B. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của tổ chức.
- C. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.
- D. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của cá nhân.

Câu 11: Nếu muốn sản xuất kinh doanh tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường thì con đường cơ bản phải làm là gì?

- A. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- B. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài.
- C. Chú trọng đến năng suất lao động.
- D. Chỉ cần bỏ vốn đầu tư nhiều.

Câu 12: Các doanh nghiệp sản xuất giấy của Việt Nam luôn phải chú trọng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất là đang đảm bảo cơ chế thị trường theo nguyên tắc của quy luật nào?

- A. cạnh tranh.
- B. lợi nhuận.
- C. cung - cầu.
- D. giá cả.

Câu 13: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

- A. Thuế giá trị gia tăng.
- B. Thuế nhập khẩu.
- C. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- D. Thuế thu nhập cá nhân.

Câu 14: Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay vốn cần sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Chuyển giao công nghệ cho mọi người.
- B. Sử dụng nguồn vốn linh hoạt.
- C. Đầu tư vào lĩnh vực của người cho vay.
- D. Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng hạn.

Câu 15: Doanh nghiệp được hình thành do sự đóng góp của nhiều người với vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau thuộc loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- B. Doanh nghiệp tư nhân.
- C. Hợp tác xã.
- D. Công ty cổ phần.

Câu 16: Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu

- A. đổi mới sáng tạo và phát triển.
- B. riêng của mỗi thành viên.
- C. chung của các thành viên.
- D. tăng nguồn vốn pháp định.

Câu 17: Tín dụng là một giao dịch về tài sản giữa bên cho vay và bên đi vay, trong đó bên cho vay chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một khoảng thời hạn nhất định theo thỏa thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi khi

- A. bên cho vay đòi nợ.
- B. có khả năng trả nợ.
- C. đến hạn thanh toán.
- D. không còn độ tin cậy.

Câu 18: Các đại lí bán lẻ phê lấy sản phẩm từ những nhà sản xuất về bán lại cho người dùng. Trong trường hợp này, các đại lí bán lẻ phê đóng vai trò gì trong hoạt động kinh tế của thị trường?

- A. Chủ đạo.
- B. Tác động.
- C. Trung gian.
- D. Quyết định.

Câu 19: Một trong những điều kiện để được vay tín dụng là người vay

- A. tạo được thu nhập ban đầu.
- B. có khả năng trả nợ đúng hạn.
- C. mượn được tài sản thế chấp.
- D. thay đổi được thời gian trả nợ.

Câu 20: Hãy chỉ ra đâu là hình thức sở hữu của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

- A. Doanh nghiệp có tên riêng, tài sản riêng.
- B. Nguồn vốn của cá nhân hoặc hộ gia đình.
- C. Có hình thức sở hữu tài sản chung.
- D. Do nhà nước thành lập và quản lí.

Câu 21: Doanh nghiệp có từ hai thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên gọi chung. Thành viên góp vốn là tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết đóng góp vào công ty thuộc mô hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình.
- B. Công ty hợp danh.
- C. Liên minh hợp tác xã.
- D. Công ty trách nhiệm hữu hạn.

Câu 22: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A. Cường chế.
- B. Không bắt buộc.
- C. Bắt buộc.
- D. Tự nguyện.

Câu 23: Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.
- B. Có trách nhiệm đối với người cung cấp hàng hóa.
- C. Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- D. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.

Câu 24: Khi tham gia dịch vụ tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi

- A. bằng tiền lực.
- B. bằng khả năng.
- C. vô thời hạn.
- D. vô điều kiện.

Câu 25: Một trong những nguyên tắc hoạt động của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã được biểu hiện như thế nào?

- A. Các thành viên tự nguyện thành lập.
- B. Tự do đóng hoặc rút tiền vốn.
- C. Tương trợ nhau theo thời điểm.
- D. Sản xuất theo quy trình định sẵn.

Câu 26: Đặc điểm của vay tín chấp là dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục đơn giản, kỳ hạn ngắn, số tiền vay ít nhưng

- A. lãi suất tương đối thấp.
- B. lãi suất khá cao.
- C. phải trả một lần.
- D. không phải trả lãi định kỳ.

Câu 27: Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Số tiền ngân hàng cung cấp cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ phụ thuộc vào lịch sử tín dụng và

- A. thời gian, địa điểm giao dịch.
- B. nhu cầu mua sắm của chủ thẻ.
- C. khả năng tài chính của ngân hàng.
- D. khả năng tài chính của chủ thẻ.

Câu 28: Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng sẽ mang lại cho người gửi

- A. có được bạn hàng tin cậy.
- B. một khoản tiền lãi.
- C. thay thế một khoản nợ.
- D. nhận được sự ưu đãi.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

Dành dụm được 300 triệu đồng từ sản xuất chăn nuôi, chị G có ý định gửi ngân hàng để nhận được tiền lãi 6,0%/ năm. Biết chuyện này, chị K chủ một dây hội đến thuyết phục chị G tham gia chơi hội để nhận được tiền lời cao hơn lãi suất của ngân hàng. Tình cờ biết chị P cũng đang cần tiền và có ý định vay ngân hàng 300 triệu đồng với lãi suất 8,5%/ năm. Còn chồng chị G lại muốn giữ lại số tiền này và vay thêm tiền để mua xe hơi. Theo em, chị G nên chọn phương án nào để đảm bảo sự an toàn mà vẫn phát huy hiệu quả của đồng tiền? Vì sao?

Bài 2 (2,0 điểm).

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Ông P - anh trai của ông K là người có nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh. Thấy em thành lập doanh nghiệp tư nhân nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm, ông P muốn hỗ trợ nên đề nghị thành lập một công ty hợp danh mang tên PK với hai thành viên hợp danh là ông P và ông K, các bạn bè của hai ông có thể góp vốn cho công ty để được chia lợi nhuận. Cả hai ông chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty và có quyền quản lý, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty. Nhờ uy tín của ông P nên công ty hợp danh PK kinh doanh rất hiệu quả và không ngừng phát triển.

Hỏi:

- a. Công ty hợp danh được thành lập có ít nhất mấy thành viên? Thành viên hợp danh là cá nhân hay tổ chức?
- b. Theo em, thành viên góp vốn có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty?

----- HẾT -----

Mã đề: 105

Họ và tên học sinh:.....Lớp 10A.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1: Nếu muốn sản xuất kinh doanh tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường thì con đường cơ bản phải làm là gì?

- A. Chú trọng đến năng suất lao động. B. Chỉ cần bỏ vốn đầu tư nhiều.
C. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. D. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 2: Mô hình hộ sản xuất kinh doanh được hình thành trên cơ sở của cá nhân hoặc

- A. của tập thể người lao động. B. của một hộ gia đình làm chủ.
C. của các doanh nghiệp nhỏ lẻ. D. của một tập thể người lao động.

Câu 3: Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân do ít nhất 4 hộ tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu

- A. chung của các thành viên. B. riêng của mỗi thành viên.
C. tăng nguồn vốn pháp định. D. đổi mới sáng tạo và phát triển.

Câu 4: Các đại lý bán cà phê lấy sản phẩm từ những nhà sản xuất về bán lại cho người dùng. Trong trường hợp này, các đại lý bán cà phê đóng vai trò gì trong hoạt động kinh tế của thị trường?

- A. Quyết định. B. Chủ đạo. C. Trung gian. D. Tác động.

Câu 5: Doanh nghiệp được hình thành do sự đóng góp của nhiều người với vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau thuộc loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Doanh nghiệp tư nhân. B. Công ty cổ phần.
C. Công ty trách nhiệm hữu hạn. D. Hợp tác xã.

Câu 6: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A. Bắt buộc. B. Không bắt buộc. C. Cường chế. D. Tự nguyện.

Câu 7: Tín dụng là một giao dịch về tài sản giữa bên cho vay và bên đi vay, trong đó bên cho vay chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một khoảng thời hạn nhất định theo thỏa thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi khi

- A. bên cho vay đòi nợ. B. có khả năng trả nợ.
C. đến hạn thanh toán. D. không còn độ tin cậy.

Câu 8: Đặc điểm của vay tín chấp là dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục đơn giản, kỳ hạn ngắn, số tiền vay ít nhưng

- A. lãi suất tương đối thấp. B. lãi suất khá cao.
C. không phải trả lãi định kỳ. D. phải trả một lần.

Câu 9: Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng sẽ mang lại cho người gửi

- A. một khoản tiền lãi. B. có được bạn hàng tin cậy.
C. thay thế một khoản nợ. D. nhận được sự ưu đãi.

Câu 10: Một trong những điều kiện để được vay tín dụng là người vay

- A. tạo được thu nhập ban đầu. B. có khả năng trả nợ đúng hạn.
C. mượn được tài sản thế chấp. D. thay đổi được thời gian trả nợ.

Câu 11: Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.
B. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.
C. Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.
D. Có trách nhiệm đối với người cung cấp hàng hóa.

Câu 12: Các doanh nghiệp sản xuất giấy của Việt Nam luôn phải chú trọng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất là đang đảm bảo cơ chế thị trường theo nguyên tắc của quy luật nào?

- A. cung - cầu. B. giá cả. C. cạnh tranh. D. lợi nhuận.

Câu 13: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thuế?

- A. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
B. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.
C. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.
D. Thuế là công cụ kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả.

Câu 14: Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay vốn cần sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng hạn. B. Đầu tư vào lĩnh vực của người cho vay.
C. Sử dụng nguồn vốn linh hoạt. D. Chuyển giao công nghệ cho mọi người.

Câu 15: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

- A. Thuế giá trị gia tăng. B. Thuế nhập khẩu.
C. Thuế tiêu thụ đặc biệt. D. Thuế thu nhập cá nhân.

Câu 16: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu chi ngân sách nhà nước là:

- A. Hoàn trả trực tiếp.
B. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế.
C. Không hoàn trả trực tiếp.
D. Hoàn trả theo từng đối tượng.

Câu 17: Doanh nghiệp có từ hai thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên gọi chung. Thành viên góp vốn là tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết đóng góp vào công ty thuộc mô hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Công ty hợp danh. B. Doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình.
C. Liên minh hợp tác xã. D. Công ty trách nhiệm hữu hạn.

Câu 18: Mục đích chính của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.
B. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của cá nhân.
C. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của doanh nghiệp.
D. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của tổ chức.

Câu 19: Hãy chỉ ra đâu là hình thức sở hữu của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

- A. Doanh nghiệp có tên riêng, tài sản riêng. B. Nguồn vốn của cá nhân hoặc hộ gia đình.
C. Có hình thức sở hữu tài sản chung. D. Do nhà nước thành lập và quản lý.

Câu 20: Một trong những nguyên tắc hoạt động của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã được biểu hiện như thế nào?

- A. Các thành viên tự nguyện thành lập. B. Tự do đóng hoặc rút tiền vốn.
C. Tương trợ nhau theo thời điểm. D. Sản xuất theo quy trình định sẵn.

Câu 21: Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Số tiền ngân hàng cung cấp cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ phụ thuộc vào lịch sử tín dụng và

- A. thời gian, địa điểm giao dịch. B. nhu cầu mua sắm của chủ thẻ.
C. khả năng tài chính của ngân hàng. D. khả năng tài chính của chủ thẻ.

Câu 22: Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của các quá trình từ đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích

- A. thanh lý tài sản. B. thu được tài sản.
C. mở rộng thị trường. D. thu được lợi nhuận.

Câu 23: Khi tham gia dịch vụ tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi

- A. bằng tiền mặt. B. bằng khả năng.
C. vô thời hạn. D. vô điều kiện.

Câu 24: Khẳng định nào dưới đây **không đúng** về vai trò của ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.
- B. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
- C. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
- D. Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.

Câu 25: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra hàng hóa- dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích

- A. đầu tư.
- B. quảng bá.
- C. sinh lợi.
- D. đầu cơ.

Câu 26: Một trong những đặc điểm của hoạt động tín dụng được thể hiện qua nội dung nào dưới đây?

- A. Tạo ra lượng tiền nhàn rỗi cho xã hội.
- B. Xây dựng nên tài chính minh bạch.
- C. Duy trì sự cân bằng của tiền tệ.
- D. Thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Câu 27: Quan hệ tín dụng giữa người cho vay và người đi vay được bảo đảm bằng điều kiện nào dưới đây?

- A. Nguồn vốn của người cho vay.
- B. Tỷ lệ lãi suất định kỳ hàng năm.
- C. Chính sách tiền tệ của Nhà nước.
- D. Tài sản thế chấp hoặc tín chấp.

Câu 28: Vai trò của tín dụng là góp phần tăng lượng vốn đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người

- A. có vốn ổn định.
- B. đang cần vốn.
- C. đang thiếu tiền.
- D. chưa có tiền.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

Anh T là nhân viên công chức nhà nước. Anh có nhu cầu mua xe ô tô để phục vụ cho công việc và sinh hoạt của gia đình, đồng thời có thể chạy dịch vụ vào những ngày nghỉ cuối tuần. Tuy nhiên số tiền tích lũy chỉ đủ 70% giá trị của chiếc xe cần mua. Theo em, anh T nên sử dụng dịch vụ nào để có lợi ích kinh tế tốt nhất? Em hãy cho biết tiện ích dịch vụ tín dụng này mang lại cho người sử dụng là gì?

Bài 2 (2,0 điểm).

Tình huống: Khi tranh luận về chủ đề “Mục tiêu xây dựng doanh nghiệp nhỏ”

H cho rằng: Doanh nghiệp nhỏ thì mục tiêu duy nhất là lợi nhuận vì doanh nghiệp còn ít vốn, có như vậy doanh nghiệp mới phát triển nhanh và đi xa hơn được.

Tuy nhiên, K lại cho rằng: Dù là doanh nghiệp nhỏ hay lớn thì lợi nhuận phải đi cùng với chất lượng sản phẩm, uy tín doanh nghiệp. Chứ bất chấp mọi vấn đề chỉ để thu về lợi nhuận thì doanh nghiệp sẽ không tồn tại được lâu dài.

H không đồng ý với K, cho rằng: Lợi nhuận phải là trên hết cậu ạ! Phi thương bất phú! Kinh doanh là phải tìm mọi cách để làm giàu. Kinh doanh không vì tiền và lợi là chuyện không tưởng!

Hỏi: Em đồng tình với quan điểm của nhân vật nào trong tình huống sau? Vì sao?

----- HẾT -----

Mã đề: 106

Họ và tên học sinh:.....Lớp 10A.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1: Doanh nghiệp có từ hai thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên gọi chung. Thành viên góp vốn là tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết đóng góp vào công ty thuộc mô hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Công ty hợp danh. B. Liên minh hợp tác xã.
C. Doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình. D. Công ty trách nhiệm hữu hạn.

Câu 2: Mô hình hộ sản xuất kinh doanh được hình thành trên cơ sở của cá nhân hoặc

- A. của tập thể người lao động. B. của một hộ gia đình làm chủ.
C. của một tập thể người lao động. D. của các doanh nghiệp nhỏ lẻ.

Câu 3: Một trong những đặc điểm của hoạt động tín dụng được thể hiện qua nội dung nào dưới đây?

- A. Tạo ra lượng tiền nhàn rỗi cho xã hội. B. Xây dựng nền tài chính minh bạch.
C. Duy trì sự cân bằng của tiền tệ. D. Thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Câu 4: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A. Cường chế. B. Bắt buộc.
C. Tự nguyện. D. Không bắt buộc.

Câu 5: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

- A. Thuế giá trị gia tăng. B. Thuế nhập khẩu.
C. Thuế tiêu thụ đặc biệt. D. Thuế thu nhập cá nhân.

Câu 6: Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay vốn cần sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng hạn. B. Đầu tư vào lĩnh vực của người cho vay.
C. Sử dụng nguồn vốn linh hoạt. D. Chuyển giao công nghệ cho mọi người.

Câu 7: Nếu muốn sản xuất kinh doanh tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường thì con đường cơ bản phải làm là gì?

- A. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. B. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài.
C. Chỉ cần bỏ vốn đầu tư nhiều. D. Chú trọng đến năng suất lao động.

Câu 8: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thuế?

- A. Thuế là công cụ kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả.
B. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.
C. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
D. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.

Câu 9: Doanh nghiệp được hình thành do sự đóng góp của nhiều người với vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau thuộc loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Doanh nghiệp tư nhân. B. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
C. Hợp tác xã. D. Công ty cổ phần.

Câu 10: Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A. Có trách nhiệm đối với người cung cấp hàng hóa.
B. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.
C. Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.
D. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.

Câu 11: Các doanh nghiệp sản xuất giấy của Việt Nam luôn phải chú trọng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất là đang đảm bảo cơ chế thị trường theo nguyên tắc của quy luật nào?

- A. cung - cầu. B. giá cả. C. cạnh tranh. D. lợi nhuận.

Câu 12: Một trong những nguyên tắc hoạt động của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã được biểu hiện như thế nào?

- A. Các thành viên tự nguyện thành lập. B. Tự do đóng hoặc rút tiền vốn.
C. Tương trợ nhau theo thời điểm. D. Sản xuất theo quy trình định sẵn.

Câu 13: Các đại lí bán cà phê lấy sản phẩm từ những nhà sản xuất về bán lại cho người dùng. Trong trường hợp này, các đại lí bán cà phê đóng vai trò gì trong hoạt động kinh tế của thị trường?

- A. Trung gian. B. Chủ đạo. C. Quyết định. D. Tác động.

Câu 14: Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng sẽ mang lại cho người gửi

- A. nhận được sự ưu đãi. B. thay thế một khoản nợ.
C. có được bạn hàng tin cậy. D. một khoản tiền lãi.

Câu 15: Đặc điểm của vay tín chấp là dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục đơn giản, kỳ hạn ngắn, số tiền vay ít nhưng

- A. phải trả một lần. B. lãi suất khá cao.
C. lãi suất tương đối thấp. D. không phải trả lãi định kỳ.

Câu 16: Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Số tiền ngân hàng cung cấp cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ phụ thuộc vào lịch sử tín dụng và

- A. thời gian, địa điểm giao dịch. B. nhu cầu mua sắm của chủ thẻ.
C. khả năng tài chính của ngân hàng. D. khả năng tài chính của chủ thẻ.

Câu 17: Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu

- A. riêng của mỗi thành viên. B. đổi mới sáng tạo và phát triển.
C. chung của các thành viên. D. tăng nguồn vốn pháp định.

Câu 18: Hãy chỉ ra đâu là hình thức sở hữu của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

- A. Doanh nghiệp có tên riêng, tài sản riêng. B. Nguồn vốn của cá nhân hoặc hộ gia đình.
C. Có hình thức sở hữu tài sản chung. D. Do nhà nước thành lập và quản lí.

Câu 19: Mục đích chính của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của doanh nghiệp.
B. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của tổ chức.
C. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.
D. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của cá nhân.

Câu 20: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu chi ngân sách nhà nước là:

- A. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế. B. Không hoàn trả trực tiếp.
C. Hoàn trả trực tiếp. D. Hoàn trả theo từng đối tượng.

Câu 21: Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của các quá trình từ đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích

- A. thanh lí tài sản. B. thu được tài sản.
C. mở rộng thị trường. D. thu được lợi nhuận.

Câu 22: Một trong những điều kiện để được vay tín dụng là người vay

- A. có khả năng trả nợ đúng hạn. B. mượn được tài sản thế chấp.
C. tạo được thu nhập ban đầu. D. thay đổi được thời gian trả nợ.

Câu 23: Khẳng định nào dưới đây **không đúng** về vai trò của ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.
B. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
C. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
D. Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.

Câu 24: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra hàng hóa- dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích

- A.** đầu tư. **B.** quảng bá. **C.** sinh lợi. **D.** đầu cơ.

Câu 25: Tín dụng là một giao dịch về tài sản giữa bên cho vay và bên đi vay, trong đó bên cho vay chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một khoảng thời hạn nhất định theo thỏa thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi khi

- A.** có khả năng trả nợ. **B.** bên cho vay đòi nợ.
C. không còn độ tin cậy. **D.** đến hạn thanh toán.

Câu 26: Quan hệ tín dụng giữa người cho vay và người đi vay được bảo đảm bằng điều kiện nào dưới đây?

- A.** Nguồn vốn của người cho vay. **B.** Tỷ lệ lãi suất định kì hàng năm.
C. Tài sản thế chấp hoặc tín chấp. **D.** Chính sách tiền tệ của Nhà nước.

Câu 27: Khi tham gia dịch vụ tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi

- A.** bằng tiềm lực. **B.** vô thời hạn.
C. vô điều kiện. **D.** bằng khả năng.

Câu 28: Vai trò của tín dụng là góp phần tăng lượng vốn đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người

- A.** có vốn ổn định. **B.** đang cần vốn.
C. đang thiếu tiền. **D.** chưa có tiền.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

Dành dụm được 300 triệu đồng từ sản xuất chăn nuôi, chị G có ý định gửi ngân hàng để nhận được tiền lãi 6,0%/ năm. Biết chuyện này, chị K chủ một dây hội đến thuyết phục chị G tham gia chơi hội để nhận được tiền lời cao hơn lãi suất của ngân hàng. Tình cờ biết chị P cũng đang cần tiền và có ý định vay ngân hàng 300 triệu đồng với lãi suất 8,5%/ năm. Còn chồng chị G lại muốn giữ lại số tiền này và vay thêm tiền để mua xe hơi. Theo em, chị G nên chọn phương án nào để đảm bảo sự an toàn mà vẫn phát huy hiệu quả của đồng tiền? Vì sao?

Bài 2 (2,0 điểm).

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Ông P - anh trai của ông K là người có nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh. Thấy em thành lập doanh nghiệp tư nhân nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm, ông P muốn hỗ trợ nên đề nghị thành lập một công ty hợp danh mang tên PK với hai thành viên hợp danh là ông P và ông K, các bạn bè của hai ông có thể góp vốn cho công ty để được chia lợi nhuận. Cả hai ông chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty và có quyền quản lí, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty. Nhờ uy tín của ông P nên công ty hợp danh PK kinh doanh rất hiệu quả và không ngừng phát triển.

Hỏi:

- a. Công ty hợp danh được thành lập có ít nhất mấy thành viên? Thành viên hợp danh là cá nhân hay tổ chức?
- b. Theo em, thành viên góp vốn có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty?

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 10A.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1: Mục đích chính của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của doanh nghiệp.
- B. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của tổ chức.
- C. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.
- D. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của cá nhân.

Câu 2: Các doanh nghiệp sản xuất giấy của Việt Nam luôn phải chú trọng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất là đang đảm bảo cơ chế thị trường theo nguyên tắc của quy luật nào?

- A. cung - cầu.
- B. giá cả.
- C. cạnh tranh.
- D. lợi nhuận.

Câu 3: Các đại lí bán cà phê lấy sản phẩm từ những nhà sản xuất về bán lại cho người dùng. Trong trường hợp này, các đại lí bán cà phê đóng vai trò gì trong hoạt động kinh tế của thị trường?

- A. Trung gian.
- B. Chủ đạo.
- C. Quyết định.
- D. Tác động.

Câu 4: Doanh nghiệp được hình thành do sự đóng góp của nhiều người với vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau thuộc loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Doanh nghiệp tư nhân.
- B. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- C. Hợp tác xã.
- D. Công ty cổ phần.

Câu 5: Một trong những đặc điểm của hoạt động tín dụng được thể hiện qua nội dung nào dưới đây?

- A. Tạo ra lượng tiền nhàn rỗi cho xã hội.
- B. Duy trì sự cân bằng của tiền tệ.
- C. Thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- D. Xây dựng nền tài chính minh bạch.

Câu 6: Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay vốn cần sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Chuyển giao công nghệ cho mọi người.
- B. Đầu tư vào lĩnh vực của người cho vay.
- C. Sử dụng nguồn vốn linh hoạt.
- D. Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng hạn.

Câu 7: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

- A. Thuế giá trị gia tăng.
- B. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- C. Thuế thu nhập cá nhân.
- D. Thuế nhập khẩu.

Câu 8: Đặc điểm của vay tín chấp là dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục đơn giản, kỳ hạn ngắn, số tiền vay ít nhưng

- A. phải trả một lần.
- B. lãi suất khá cao.
- C. lãi suất tương đối thấp.
- D. không phải trả lãi định kỳ.

Câu 9: Mô hình hộ sản xuất kinh doanh được hình thành trên cơ sở của cá nhân hoặc

- A. của tập thể người lao động.
- B. của một tập thể người lao động.
- C. của một hộ gia đình làm chủ.
- D. của các doanh nghiệp nhỏ lẻ.

Câu 10: Khẳng định nào dưới đây **không đúng** về vai trò của ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.
- B. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
- C. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.
- D. Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.

Câu 11: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A. Tự nguyện.
- B. Cường chế.
- C. Không bắt buộc.
- D. Bắt buộc.

Câu 12: Nếu muốn sản xuất kinh doanh tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường thì con đường cơ bản phải làm là gì?

- A. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài.
- B. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- C. Chú trọng đến năng suất lao động.
- D. Chỉ cần bỏ vốn đầu tư nhiều.

Câu 13: Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng sẽ mang lại cho người gửi

- A. nhận được sự ưu đãi.
- B. thay thế một khoản nợ.
- C. có được bạn hàng tin cậy.
- D. một khoản tiền lãi.

Câu 14: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thuế?

- A. Thuế là công cụ kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả.
- B. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
- C. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.
- D. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.

Câu 15: Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu

- A. chung của các thành viên.
- B. đổi mới sáng tạo và phát triển.
- C. riêng của mỗi thành viên.
- D. tăng nguồn vốn pháp định.

Câu 16: Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A. Có trách nhiệm đối với người cung cấp hàng hóa.
- B. Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- C. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.
- D. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.

Câu 17: Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của các quá trình từ đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích

- A. thanh lí tài sản.
- B. mở rộng thị trường.
- C. thu được tài sản.
- D. thu được lợi nhuận.

Câu 18: Doanh nghiệp có từ hai thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên gọi chung. Thành viên góp vốn là tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết đóng góp vào công ty thuộc mô hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Liên minh hợp tác xã.
- B. Công ty hợp danh.
- C. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- D. Doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình.

Câu 19: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu chi ngân sách nhà nước là:

- A. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế.
- B. Không hoàn trả trực tiếp.
- C. Hoàn trả trực tiếp.
- D. Hoàn trả theo từng đối tượng.

Câu 20: Vai trò của tín dụng là góp phần tăng lượng vốn đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người

- A. đang thiếu tiền.
- B. đang cần vốn.
- C. có vốn ổn định.
- D. chưa có tiền.

Câu 21: Một trong những điều kiện để được vay tín dụng là người vay

- A. có khả năng trả nợ đúng hạn.
- B. mượn được tài sản thế chấp.
- C. tạo được thu nhập ban đầu.
- D. thay đổi được thời gian trả nợ.

Câu 22: Một trong những nguyên tắc hoạt động của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã được biểu hiện như thế nào?

- A. Các thành viên tự nguyện thành lập.
- B. Tương trợ nhau theo thời điểm.
- C. Sản xuất theo quy trình định sẵn.
- D. Tự do đóng hoặc rút tiền vốn.

Câu 23: Khi tham gia dịch vụ tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi

- A. bằng khả năng.
- B. bằng tiềm lực.
- C. vô điều kiện.
- D. vô thời hạn.

Câu 24: Tín dụng là một giao dịch về tài sản giữa bên cho vay và bên đi vay, trong đó bên cho vay chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một khoảng thời hạn nhất định theo thỏa thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi khi

- A. có khả năng trả nợ.
- B. bên cho vay đòi nợ.
- C. không còn độ tin cậy.
- D. đến hạn thanh toán.

Câu 25: Quan hệ tín dụng giữa người cho vay và người đi vay được bảo đảm bằng điều kiện nào dưới đây?

- A. Nguồn vốn của người cho vay.
- B. Tỷ lệ lãi suất định kỳ hàng năm.
- C. Tài sản thế chấp hoặc tín chấp.
- D. Chính sách tiền tệ của Nhà nước.

Câu 26: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra hàng hóa- dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích

- A. sinh lợi.
- B. đầu tư.
- C. quảng bá.
- D. đầu cơ.

Câu 27: Hãy chỉ ra đâu là hình thức sở hữu của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

- A. Doanh nghiệp có tên riêng, tài sản riêng.
- B. Có hình thức sở hữu tài sản chung.
- C. Do nhà nước thành lập và quản lí.
- D. Nguồn vốn của cá nhân hoặc hộ gia đình.

Câu 28: Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Số tiền ngân hàng cung cấp cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ phụ thuộc vào lịch sử tín dụng và

- A. nhu cầu mua sắm của chủ thẻ.
- B. khả năng tài chính của chủ thẻ.
- C. khả năng tài chính của ngân hàng.
- D. thời gian, địa điểm giao dịch.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

Anh T là nhân viên công chức nhà nước. Anh có nhu cầu mua xe ô tô để phục vụ cho công việc và sinh hoạt của gia đình, đồng thời có thể chạy dịch vụ vào những ngày nghỉ cuối tuần. Tuy nhiên số tiền tích lũy chỉ đủ 70% giá trị của chiếc xe cần mua. Theo em, anh T nên sử dụng dịch vụ nào để có lợi ích kinh tế tốt nhất? Em hãy cho biết tiện ích dịch vụ tín dụng này mang lại cho người sử dụng là gì?

Bài 2 (2,0 điểm).

Tình huống: Khi tranh luận về chủ đề “Mục tiêu xây dựng doanh nghiệp nhỏ”

H cho rằng: Doanh nghiệp nhỏ thì mục tiêu duy nhất là lợi nhuận vì doanh nghiệp còn ít vốn, có như vậy doanh nghiệp mới phát triển nhanh và đi xa hơn được.

Tuy nhiên, K lại cho rằng: Dù là doanh nghiệp nhỏ hay lớn thì lợi nhuận phải đi cùng với chất lượng sản phẩm, uy tín doanh nghiệp. Chứ bất chấp mọi vấn đề chỉ để thu về lợi nhuận thì doanh nghiệp sẽ không tồn tại được lâu dài.

H không đồng ý với K, cho rằng: Lợi nhuận phải là trên hết cậu ạ! Phi thương bất phú! Kinh doanh là phải tìm mọi cách để làm giàu. Kinh doanh không vì tiền và lợi là chuyện không tưởng!

Hỏi: Em đồng tình với quan điểm của nhân vật nào trong tình huống sau? Vì sao?

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:Lớp 10A.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1: Việc gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng sẽ mang lại cho người gửi

- A. một khoản tiền lãi.
- B. thay thế một khoản nợ.
- C. có được bạn hàng tin cậy.
- D. nhận được sự ưu đãi.

Câu 2: Khi tham gia dịch vụ tín dụng, người vay phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi

- A. bằng tiền lục.
- B. bằng khả năng.
- C. vô thời hạn.
- D. vô điều kiện.

Câu 3: Khẳng định nào dưới đây **không đúng** về vai trò của ngân sách nhà nước ?

- A. Ngân sách nhà nước điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
- B. Ngân sách nhà nước cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
- C. Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.
- D. Ngân sách nhà nước để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của mọi người dân trong xã hội.

Câu 4: Mô hình hộ sản xuất kinh doanh được hình thành trên cơ sở của cá nhân hoặc

- A. của các doanh nghiệp nhỏ lẻ.
- B. của một tập thể người lao động.
- C. của một hộ gia đình làm chủ.
- D. của tập thể người lao động.

Câu 5: Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành. Số tiền ngân hàng cung cấp cho chủ thẻ sử dụng để thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ phụ thuộc vào lịch sử tín dụng và

- A. nhu cầu mua sắm của chủ thẻ.
- B. khả năng tài chính của chủ thẻ.
- C. khả năng tài chính của ngân hàng.
- D. thời gian, địa điểm giao dịch.

Câu 6: Tín dụng là một giao dịch về tài sản giữa bên cho vay và bên đi vay, trong đó bên cho vay chuyển giao tài sản cho bên đi vay sử dụng trong một khoảng thời hạn nhất định theo thỏa thuận, bên đi vay có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi khi

- A. có khả năng trả nợ.
- B. bên cho vay đòi nợ.
- C. không còn độ tin cậy.
- D. đến hạn thanh toán.

Câu 7: Các doanh nghiệp sản xuất giấy của Việt Nam luôn phải chú trọng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất là đang đảm bảo cơ chế thị trường theo nguyên tắc của quy luật nào?

- A. lợi nhuận.
- B. cung - cầu.
- C. giá cả.
- D. cạnh tranh.

Câu 8: Đặc trưng cơ bản của các khoản thu chi ngân sách nhà nước là:

- A. Hoàn trả trực tiếp cho người nộp thuế.
- B. Không hoàn trả trực tiếp.
- C. Hoàn trả trực tiếp.
- D. Hoàn trả theo từng đối tượng.

Câu 9: Hãy chỉ ra đâu là hình thức sở hữu của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã?

- A. Doanh nghiệp có tên riêng, tài sản riêng.
- B. Có hình thức sở hữu tài sản chung.
- C. Do nhà nước thành lập và quản lí.
- D. Nguồn vốn của cá nhân hoặc hộ gia đình.

Câu 10: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước có tính chất gì?

- A. Tự nguyện.
- B. Cường chế.
- C. Không bắt buộc.
- D. Bắt buộc.

Câu 11: Các đại lí bán cả phê lấy sản phẩm từ những nhà sản xuất về bán lại cho người dùng. Trong trường hợp này, các đại lí bán cả phê đóng vai trò gì trong hoạt động kinh tế của thị trường?

- A. Tác động.
- B. Quyết định.
- C. Chủ đạo.
- D. Trung gian.

Câu 12: Khi tham gia hoạt động tín dụng, người vay vốn cần sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng hạn.
- B. Đầu tư vào lĩnh vực của người cho vay.
- C. Sử dụng nguồn vốn linh hoạt.
- D. Chuyển giao công nghệ cho mọi người.

Câu 13: Vai trò của tín dụng là góp phần tăng lượng vốn đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và Chính phủ đến những người

- A. đang thiếu tiền.
- B. đang cần vốn.
- C. chưa có tiền.
- D. có vốn ổn định.

Câu 14: Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp phải trích một khoản tiền từ phần thu nhập để nộp vào ngân sách nhà nước theo loại thuế gì?

- A. Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- B. Thuế nhập khẩu.
- C. Thuế thu nhập cá nhân.
- D. Thuế giá trị gia tăng.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

- A. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.
- B. Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.
- C. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.
- D. Có trách nhiệm đối với người cung cấp hàng hóa.

Câu 16: Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra hàng hóa- dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích

- A. sinh lợi.
- B. đầu tư.
- C. đầu cơ.
- D. quảng bá.

Câu 17: Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng nhu cầu

- A. riêng của mỗi thành viên.
- B. đổi mới sáng tạo và phát triển.
- C. chung của các thành viên.
- D. tăng nguồn vốn pháp định.

Câu 18: Đặc điểm của vay tín chấp là dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục đơn giản, kỳ hạn ngắn, số tiền vay ít nhưng

- A. phải trả một lần.
- B. lãi suất khá cao.
- C. lãi suất tương đối thấp.
- D. không phải trả lãi định kỳ.

Câu 19: Quan hệ tín dụng giữa người cho vay và người đi vay được bảo đảm bằng điều kiện nào dưới đây?

- A. Nguồn vốn của người cho vay.
- B. Tỷ lệ lãi suất định kỳ hàng năm.
- C. Tài sản thế chấp hoặc tín chấp.
- D. Chính sách tiền tệ của Nhà nước.

Câu 20: Một trong những điều kiện để được vay tín dụng là người vay

- A. có khả năng trả nợ đúng hạn.
- B. mượn được tài sản thế chấp.
- C. tạo được thu nhập ban đầu.
- D. thay đổi được thời gian trả nợ.

Câu 21: Một trong những nguyên tắc hoạt động của mô hình sản xuất kinh doanh hợp tác xã được biểu hiện như thế nào?

- A. Các thành viên tự nguyện thành lập.
- B. Tương trợ nhau theo thời điểm.
- C. Sản xuất theo quy trình định sẵn.
- D. Tự do đóng hoặc rút tiền vốn.

Câu 22: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vai trò của thuế?

- A. Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.
- B. Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.
- C. Thuế là công cụ kiềm chế lạm phát, bình ổn giá cả.
- D. Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường.

Câu 23: Doanh nghiệp được hình thành do sự đóng góp của nhiều người với vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau thuộc loại hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Hợp tác xã.
- B. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- C. Công ty cổ phần.
- D. Doanh nghiệp tư nhân.

Câu 24: Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của các quá trình từ đầu tư sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích

- A. thu được lợi nhuận.
- B. thanh lý tài sản.
- C. thu được tài sản.
- D. mở rộng thị trường.

Câu 25: Mục đích chính của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của tổ chức.
- B. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của cá nhân.
- C. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.
- D. Nhằm thỏa mãn các nhu cầu chi tiêu của doanh nghiệp.

Câu 26: Một trong những đặc điểm của hoạt động tín dụng được thể hiện qua nội dung nào dưới đây?

- A. Tạo ra lượng tiền nhàn rỗi cho xã hội.
- B. Duy trì sự cân bằng của tiền tệ.
- C. Xây dựng nền tài chính minh bạch.
- D. Thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Câu 27: Doanh nghiệp có từ hai thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên gọi chung. Thành viên góp vốn là tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết đóng góp vào công ty thuộc mô hình doanh nghiệp nào dưới đây?

- A. Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- B. Công ty hợp danh.
- C. Doanh nghiệp tư nhân hoặc hộ gia đình.
- D. Liên minh hợp tác xã.

Câu 28: Nếu muốn sản xuất kinh doanh tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường thì con đường cơ bản phải làm là gì?

- A. Kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài.
- B. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.
- C. Chú trọng đến năng suất lao động.
- D. Chỉ cần bỏ vốn đầu tư nhiều.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm).

Dành dụm được 300 triệu đồng từ sản xuất chăn nuôi, chị G có ý định gửi ngân hàng để nhận được tiền lãi 6,0%/ năm. Biết chuyện này, chị K chủ một dây hụi đến thuyết phục chị G tham gia chơi hụi để nhận được tiền lời cao hơn lãi suất của ngân hàng. Tình cờ biết chị P cũng đang cần tiền và có ý định vay ngân hàng 300 triệu đồng với lãi suất 8,5%/ năm. Còn chồng chị G lại muốn giữ lại số tiền này và vay thêm tiền để mua xe hơi. Theo em, chị G nên chọn phương án nào để đảm bảo sự an toàn mà vẫn phát huy hiệu quả của đồng tiền? Vì sao?

Bài 2 (2,0 điểm).

Em hãy đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Ông P - anh trai của ông K là người có nhiều kinh nghiệm trong kinh doanh. Thấy em thành lập doanh nghiệp tư nhân nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm, ông P muốn hỗ trợ nên đề nghị thành lập một công ty hợp danh mang tên PK với hai thành viên hợp danh là ông P và ông K, các bạn bè của hai ông có thể góp vốn cho công ty để được chia lợi nhuận. Cả hai ông chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty và có quyền quản lý, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty. Nhờ uy tín của ông P nên công ty hợp danh PK kinh doanh rất hiệu quả và không ngừng phát triển.

Hỏi:

- a. Công ty hợp danh được thành lập có ít nhất mấy thành viên? Thành viên hợp danh là cá nhân hay tổ chức?
- b. Theo em, thành viên góp vốn có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty?

----- HẾT -----

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	Mã đề							
	101	102	103	104	105	106	107	108
1	D	A	A	C	C	A	C	A
2	C	B	C	B	B	B	C	D
3	D	A	B	B	A	D	A	D
4	A	B	D	D	C	B	D	C
5	A	C	B	A	B	D	C	B
6	A	C	D	D	A	A	D	D
7	D	D	B	A	C	A	C	D
8	B	D	C	B	B	A	B	B
9	B	D	D	A	A	D	C	B
10	C	A	A	C	B	B	A	D
11	D	D	A	A	B	C	D	D
12	A	D	A	A	C	A	B	A
13	D	A	D	D	D	A	D	B
14	B	D	C	D	A	D	A	C
15	A	C	D	D	D	B	A	A
16	D	C	C	C	C	D	D	A
17	C	B	A	C	A	C	D	C
18	C	A	B	C	A	C	B	B
19	C	C	D	B	C	C	B	C
20	C	B	C	C	A	B	B	A
21	B	C	C	B	D	D	A	A
22	C	B	C	C	D	A	A	C
23	B	C	B	A	D	B	C	C
24	B	B	D	D	B	C	D	A
25	B	A	A	A	C	D	C	C
26	A	A	A	B	D	C	A	D
27	D	D	B	D	D	C	B	B
28	A	B	B	B	B	B	B	B

II. PHẦN TỰ LUẬN

A. ĐỀ LỄ

Bài	Nội dung	Điểm
Bài 1 (1,0 điểm)	Theo em, anh T nên sử dụng dịch vụ nào để có lợi ích kinh tế tốt nhất? Em hãy cho biết tiện ích dịch vụ tín dụng này mang lại cho người sử dụng là gì?	
	- Mua theo hình thức trả góp và thế chấp - Giúp người tiêu dùng có thể thoải mái được nhu cầu tiêu dùng của mình nhanh hơn.	0,5 0,5
Bài 2 (2,0 điểm)	Em đồng tình với quan điểm của nhân vật nào trong tình huống sau? Vì sao?	
	- Đồng ý với ý kiến của K - Vì ngoài lợi nhuận thì người kinh doanh cần phải chú trọng chất lượng sản phẩm để tạo uy tín, đồng thời phải có đạo đức kinh doanh.	1,0 1,0

B. ĐỀ CHẤM:

Bài	Nội dung	Điểm
Bài 1 (1,0 điểm)	Theo em, chị G nên chọn phương án nào để đảm bảo sự an toàn mà vẫn phát huy hiệu quả của đồng tiền? Vì sao?	
	-Chị G nên gửi tiền vào ngân hàng để hưởng lãi suất. -Vì nếu chơi hụi hay cho vay đều gặp rủi ro cao; mua xe để đi tiện lợi cho việc đi lại trong lúc chưa đủ tiền thì không nên.	0,5 0,5
Bài 2 (2,0 điểm)	a. Công ty hợp danh được thành lập có ít nhất mấy thành viên? Thành viên hợp danh là cá nhân hay tổ chức?	
	b. Theo em, thành viên góp vốn có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong công ty?	
	a. Công ty hợp danh có ít nhất 02 thành viên trở lên; thành viên hợp danh là cá nhân. b. Thành viên góp vốn có : - Quyền là chia lợi nhuận theo tỉ lệ được quy định tại Điều lệ công ty. - Nghĩa vụ: chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.	1,0 0,5 0,5

----- HẾT -----

Kon Tum, ngày tháng 12 năm 2023
Giáo viên ra đề

Nguyễn Thị Nhị Huyền

Mã đề: 111

Họ và tên học sinh:.....Lớp11B.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp chu kỳ. B. thất nghiệp cơ cấu.
C. thất nghiệp tự nguyện. D. thất nghiệp tạm thời.

Câu 2. Việc duy trì và thực hiện tốt đạo đức kinh doanh sẽ giúp cho các chủ thể kinh tế

- A. Khắc phục chênh lệch vùng miền. B. Nâng cao uy tín và thương hiệu.
C. Tăng cường công tác truyền thông. D. Nâng cao lợi thế vùng miền.

Câu 3. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. lạm phát. B. cung. C. cầu. D. thất nghiệp.

Câu 4. Việc các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về nghĩa vụ bảo vệ môi trường khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện tốt phẩm chất đạo đức nào dưới đây khi kinh doanh?

- A. Trung thực. B. Tôn trọng. C. Hợp tác. D. Trách nhiệm.

Câu 5. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. tiền tệ. B. lạm phát. C. thị trường. D. cung cầu.

Câu 6. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

- A. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài. B. Khó khăn của chủ thể sản xuất.
C. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất. D. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.

Câu 7. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ

- A. chặt chẽ. B. rất đặc biệt. C. độc lập. D. cộng sinh.

Câu 8. Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường

- A. tiêu dùng. B. hàng hóa. C. lao động. D. việc làm.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

- A. Định hướng chủ thể sản xuất. B. Thúc đẩy lạm phát và thất nghiệp.
C. Làm gia tăng tình trạng thất nghiệp. D. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.

Câu 10. Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Thiếu việc làm. B. Thiếu lao động. C. Thất nghiệp. D. Lạm phát.

Câu 11. Để phát triển thị trường lao động và thị trường việc làm, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người dân nếu đủ điều kiện đều được

- A. chia đều của cải xã hội. B. san bằng thu nhập cá nhân.
C. phát triển kinh tế gia đình. D. thỏa thuận lao động tập thể.

Câu 12. Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. đầu cơ tích trữ hàng hóa. B. làm giả thương hiệu.
C. áp dụng kỹ thuật tiên tiến. D. hủy hoại môi trường tự nhiên.

- Câu 13.** Lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định là nội dung khái niệm
- A. lạm phát. B. cầu. C. cung. D. thất nghiệp.
- Câu 14.** Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm
- A. thất nghiệp. B. cung cầu. C. lao động. D. cạnh tranh.
- Câu 15.** Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kì nhất định được gọi là
- A. thị trường tài chính. B. thị trường việc làm.
C. thị trường thất nghiệp. D. thị trường kinh doanh.
- Câu 16.** Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho giá trị đồng tiền của nước đó như thế nào?
- A. Tăng giá trị phi mã. B. Mất giá nhanh chóng.
C. Không thay đổi giá trị. D. Ngày càng tăng giá trị.
- Câu 17.** Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là
- A. ý tưởng kinh doanh. B. ý tưởng nghệ thuật.
C. ý tưởng hội họa. D. ý tưởng kiến trúc.
- Câu 18.** Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là
- A. mục tiêu kinh doanh. B. chiến lược kinh doanh.
C. ý tưởng kinh doanh. D. cơ hội kinh doanh.
- Câu 19.** Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?
- A. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.
B. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.
C. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.
D. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.
- Câu 20.** Khi xác định được cơ hội kinh doanh tốt sẽ góp phần giúp các chủ thể
- A. gia tăng nguy cơ phá sản. B. dễ mắc sai lầm.
C. giảm sức cạnh tranh. D. chủ động kinh doanh.
- Câu 21.** Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?
- A. Đem lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh. B. Giảm thiểu nguy cơ lạm phát, tăng giá.
C. Lành mạnh hóa và thúc đẩy thị trường. D. Nâng tầm thương hiệu quốc gia.
- Câu 22.** Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc lợi thế nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh?
- A. Sự hiểu biết của chủ thể sản xuất kinh doanh.
B. Sự đam mê của chủ thể sản xuất kinh doanh.
C. Chính sách vĩ mô của Nhà nước.
D. Khả năng huy động các nguồn lực.
- Câu 23.** Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa là nội dung của khái niệm
- A. đấu tranh. B. tranh giành. C. lợi tức. D. cạnh tranh.
- Câu 24.** Là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động, thông qua các hình thức thoả thuận về giá cả và các điều kiện làm việc khác trên cơ sở một hợp đồng lao động là nội dung của khái niệm
- A. thị trường công nghệ. B. thị trường tiền tệ.
C. thị trường lao động. D. thị trường tài chính.
- Câu 25.** Tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh là nội dung của khái niệm

A. Đạo đức kinh doanh.

B. Triết lý kinh doanh.

C. Ý tưởng kinh doanh.

D. Cơ hội kinh doanh.

Câu 26. Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

A. lao động.

B. sức lao động.

C. thất nghiệp.

D. việc làm.

Câu 27. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Thuộc đối tượng tinh giảm biên chế của công ty.

B. Do không hài lòng với công việc được giao.

C. Công ty bị phá sản phải ngừng hoạt động.

D. Nền kinh tế bị lạm phát và rơi vào khủng hoảng.

Câu 28. Một trong những giải pháp để giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay đó là nhà nước cần có chính sách phù hợp để

A. giảm quy mô doanh nghiệp.

B. hạn chế xuất khẩu hàng hóa.

C. chia đều các nguồn thu nhập.

D. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Nhận thấy nhu cầu thực phẩm sạch ngày càng tăng. Anh T có dự định sẽ đầu tư kinh phí mở cửa hàng kinh doanh mặt hàng thực phẩm sạch, trước khi ra quyết định kinh doanh, anh đã phân tích nhu cầu của thị trường, tìm kiếm các mối quan hệ có thể hỗ trợ anh khi cần thiết cũng như đánh giá những khó khăn, sự cạnh tranh với người kinh doanh khác trên thị trường.

a. Trong trường hợp này anh T đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh T đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?

b. Theo em trong trường hợp này anh T đã thể hiện tốt năng lực gì trong kinh doanh?

Câu 2 (1 điểm): Năm 2022, sau khi nhận được thư tố cáo của người dân, cơ quan điều tra đã ra kết luận về việc Công ty bảo hiểm Manulife và Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) "bắt tay nhau" trong việc lừa khách hàng gửi tiết kiệm, "hô biến" tiền gửi tiết kiệm của khách thành hợp đồng bảo hiểm nhân thọ gây thiệt tại to lớn về tài sản đối với khách hàng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của các chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm đó sẽ gây hậu quả như thế nào đối với các chủ thể kinh tế đó?

----- **HẾT** -----

- A. độc lập. B. cộng sinh. C. chặt chẽ. D. rất đặc biệt.

Câu 11. Một trong những giải pháp để giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay đó là nhà nước cần có chính sách phù hợp để

- A. hạn chế xuất khẩu hàng hóa. B. giảm quy mô doanh nghiệp.
C. đẩy mạnh xuất khẩu lao động. D. chia đều các nguồn thu nhập.

Câu 12. Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

- A. cung cầu. B. thất nghiệp. C. lao động. D. cạnh tranh.

Câu 13. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

- A. ý tưởng kiến trúc. B. ý tưởng nghệ thuật.
C. ý tưởng hội họa. D. ý tưởng kinh doanh.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?

- A. Lãnh mạnh hóa và thúc đẩy thị trường.
B. Đem lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh.
C. Giảm thiểu nguy cơ lạm phát, tăng giá.
D. Nâng tầm thương hiệu quốc gia.

Câu 15. Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Thất nghiệp. B. Thiếu lao động. C. Thiếu việc làm. D. Lạm phát.

Câu 16. Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là

- A. mục tiêu kinh doanh. B. chiến lược kinh doanh.
C. cơ hội kinh doanh. D. ý tưởng kinh doanh.

Câu 17. Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kì nhất định được gọi là

- A. thị trường kinh doanh. B. thị trường tài chính.
C. thị trường thất nghiệp. D. thị trường việc làm.

Câu 18. Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho giá trị đồng tiền của nước đó như thế nào?

- A. Tăng giá trị phi mã. B. Không thay đổi giá trị.
C. Mất giá nhanh chóng. D. Ngày càng tăng giá trị.

Câu 19. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp tự nguyện. B. thất nghiệp chu kỳ.
C. thất nghiệp cơ cấu. D. thất nghiệp tạm thời.

Câu 20. Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

- A. việc làm. B. lao động. C. sức lao động. D. thất nghiệp.

Câu 21. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. cầu. B. lạm phát. C. thất nghiệp. D. cung.

Câu 22. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

- A. Khó khăn của chủ thể sản xuất.
B. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.
C. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.
D. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.

Câu 23. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

- A. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.
B. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.
C. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

D. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.

Câu 24. Lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định là nội dung khái niệm

A. cung. **B.** cầu. **C.** lạm phát. **D.** thất nghiệp.

Câu 25. Khi xác định được cơ hội kinh doanh tốt sẽ góp phần giúp các chủ thể

A. giảm sức cạnh tranh. **B.** gia tăng nguy cơ phá sản.
C. dễ mắc sai lầm. **D.** chủ động kinh doanh.

Câu 26. Việc duy trì và thực hiện tốt đạo đức kinh doanh sẽ giúp cho các chủ thể kinh tế

A. Nâng cao lợi thế vùng miền. **B.** Nâng cao uy tín và thương hiệu.
C. Khắc phục chênh lệch vùng miền. **D.** Tăng cường công tác truyền thông.

Câu 27. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

A. thị trường. **B.** tiền tệ. **C.** cung cầu. **D.** lạm phát.

Câu 28. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

A. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.
B. Làm gia tăng tình trạng thất nghiệp.
C. Định hướng chủ thể sản xuất.
D. Thúc đẩy lạm phát và thất nghiệp.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1 (2 điểm): Với lợi thế gần các trường học, sau khi tìm hiểu thực tế các cửa hàng kinh doanh đồ dùng học tập trên địa bàn còn khá sơ sài chưa có sức thu hút học sinh. Rất nhanh chóng, anh H đã lên kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện chớp lấy thời cơ để mở cửa hàng kinh doanh dụng cụ học tập. Để có thể cạnh tranh với các cửa hàng khác, anh H tích cực tìm kiếm các đồ dùng học tập độc đáo, có mẫu mã đẹp, phù hợp với thị hiếu của học sinh thay vì đơn giản như các đồ dùng học tập đại trà trên thị trường. Sự nhạy bén và linh hoạt trong việc chớp lấy thời cơ để cung cấp các mặt hàng phù hợp thị hiếu của học sinh đã giúp anh H gặt hái được những thành công ban đầu.

a. Trong trường hợp này anh H đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh H đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?

b. Theo em năng lực gì đã giúp anh H có những thành công ban đầu?

Câu 2 (1 điểm): Năm 2016 sau khi ra mắt dòng sản phẩm Samsung Galaxy Note 7 , mặc dù được khách hàng hết sức đón nhận. Tuy nhiên sau đó hãng phát hiện dòng sản phẩm này có một số lỗi nhỏ có thể gây nguy hiểm cho khách hàng. Samsung đã quyết định tiến hành thu hồi toàn bộ sản phẩm và hoàn tiền đối với tất cả các khách hàng đã mua sản phẩm này tại Việt Nam và trên toàn thế giới cũng như công khai xin lỗi tới khách hàng.

Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm này có tác động như thế nào đến chủ thể kinh tế đó?

----- **HẾT** -----

Mã đề: 113

Họ và tên học sinh:.....Lớp11B.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. cầu. B. cung. C. lạm phát. D. thất nghiệp.

Câu 2. Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là

- A. ý tưởng kinh doanh. B. chiến lược kinh doanh.
C. cơ hội kinh doanh. D. mục tiêu kinh doanh.

Câu 3. Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc lợi thế nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh?

- A. Sự đam mê của chủ thể sản xuất kinh doanh.
B. Sự hiểu biết của chủ thể sản xuất kinh doanh.
C. Khả năng huy động các nguồn lực.
D. Chính sách vĩ mô của Nhà nước.

Câu 4. Khi xác định được cơ hội kinh doanh tốt sẽ góp phần giúp các chủ thể

- A. dễ mắc sai lầm. B. giảm sức cạnh tranh.
C. gia tăng nguy cơ phá sản. D. chủ động kinh doanh.

Câu 5. Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

- A. cung cầu. B. cạnh tranh. C. lao động. D. thất nghiệp.

Câu 6. Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Thiếu lao động. B. Lạm phát. C. Thất nghiệp. D. Thiếu việc làm.

Câu 7. Lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định là nội dung khái niệm

- A. cung. B. thất nghiệp. C. lạm phát. D. cầu.

Câu 8. Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa là nội dung của khái niệm

- A. tranh giành. B. cạnh tranh. C. đấu tranh. D. lợi tức.

Câu 9. Một trong những giải pháp để giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay đó là nhà nước cần có chính sách phù hợp để

- A. hạn chế xuất khẩu hàng hóa. B. chia đều các nguồn thu nhập.
C. giảm quy mô doanh nghiệp. D. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Câu 10. Tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh là nội dung của khái niệm

- A. Cơ hội kinh doanh. B. Ý tưởng kinh doanh.
C. Đạo đức kinh doanh. D. Triết lý kinh doanh.

Câu 11. Là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động, thông qua các hình thức thoả thuận về giá cả và các điều kiện làm việc khác trên cơ sở một hợp đồng lao động là nội dung của khái niệm

A. thị trường tài chính.

B. thị trường tiền tệ.

C. thị trường công nghệ.

D. thị trường lao động.

Câu 12. Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho giá trị đồng tiền của nước đó như thế nào?

A. Tăng giá trị phi mã.

B. Ngày càng tăng giá trị.

C. Mất giá nhanh chóng.

D. Không thay đổi giá trị.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?

A. Giảm thiểu nguy cơ lạm phát, tăng giá.

B. Lành mạnh hóa và thúc đẩy thị trường.

C. Nâng tầm thương hiệu quốc gia.

D. Đem lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh.

Câu 14. Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

A. lao động.

B. thất nghiệp.

C. sức lao động.

D. việc làm.

Câu 15. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

A. Khó khăn của chủ thể sản xuất.

B. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.

C. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.

D. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.

Câu 16. Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kì nhất định được gọi là

A. thị trường tài chính.

B. thị trường thất nghiệp.

C. thị trường kinh doanh.

D. thị trường việc làm.

Câu 17. Để phát triển thị trường lao động và thị trường việc làm, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người dân nếu đủ điều kiện đều được

A. san bằng thu nhập cá nhân.

B. thỏa thuận lao động tập thể.

C. phát triển kinh tế gia đình.

D. chia đều của cải xã hội.

Câu 18. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Nền kinh tế bị lạm phát và rơi vào khủng hoảng.

B. Thuộc đối tượng tinh giảm biên chế của công ty.

C. Do không hài lòng với công việc được giao.

D. Công ty bị phá sản phải ngừng hoạt động.

Câu 19. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

A. thất nghiệp chu kỳ.

B. thất nghiệp cơ cấu.

C. thất nghiệp tạm thời.

D. thất nghiệp tự nguyện.

Câu 20. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

A. thị trường.

B. lạm phát.

C. cung cầu.

D. tiền tệ.

Câu 21. Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường

A. tiêu dùng.

B. việc làm.

C. lao động.

D. hàng hóa.

Câu 22. Việc các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về nghĩa vụ bảo vệ môi trường khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện tốt phẩm chất đạo đức nào dưới đây khi kinh doanh?

A. Tôn trọng.

B. Hợp tác.

C. Trung thực.

D. Trách nhiệm.

Câu 23. Việc duy trì và thực hiện tốt đạo đức kinh doanh sẽ giúp cho các chủ thể kinh tế

A. Nâng cao lợi thế vùng miền.

B. Khắc phục chênh lệch vùng miền.

C. Nâng cao uy tín và thương hiệu.

D. Tăng cường công tác truyền thông.

Câu 24. Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

A. hủy hoại môi trường tự nhiên.

B. đầu cơ tích trữ hàng hóa.

C. làm giả thương hiệu.

D. áp dụng kỹ thuật tiên tiến.

Câu 25. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

A. ý tưởng kiến trúc.

B. ý tưởng kinh doanh.

C. ý tưởng nghệ thuật.

D. ý tưởng hội họa.

Câu 26. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ

A. rất đặc biệt.

B. chặt chẽ.

C. cộng sinh.

D. độc lập.

Câu 27. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

A. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.

B. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

C. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.

D. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.

Câu 28. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

A. Thúc đẩy lạm phát và thất nghiệp.

B. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.

C. Định hướng chủ thể sản xuất.

D. Làm gia tăng tình trạng thất nghiệp.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Nhận thấy nhu cầu thực phẩm sạch ngày càng tăng. Anh T có dự định sẽ đầu tư kinh phí mở cửa hàng kinh doanh mặt hàng thực phẩm sạch, trước khi ra quyết định kinh doanh, anh đã phân tích nhu cầu của thị trường, tìm kiếm các mối quan hệ có thể hỗ trợ anh khi cần thiết cũng như đánh giá những khó khăn, sự cạnh tranh với người kinh doanh khác trên thị trường.

a. Trong trường hợp này anh T đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh T đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?

b. Theo em trong trường hợp này anh T đã thể hiện tốt năng lực gì trong kinh doanh?

Câu 2 (1 điểm): Năm 2022, sau khi nhận được thư tố cáo của người dân, cơ quan điều tra đã ra kết luận về việc Công ty bảo hiểm Manulife và Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) "bắt tay nhau" trong việc lừa khách hàng gửi tiết kiệm, "hô biến" tiền gửi tiết kiệm của khách thành hợp đồng bảo hiểm nhân thọ gây thiệt hại to lớn về tài sản đối với khách hàng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của các chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm đó sẽ gây hậu quả như thế nào đối với các chủ thể kinh tế đó?

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp11B.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

A. đầu cơ tích trữ hàng hóa. **B.** làm giả thương hiệu.

C. áp dụng kỹ thuật tiên tiến. **D.** hủy hoại môi trường tự nhiên.

Câu 2. Một trong những giải pháp để giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay đó là nhà nước cần có chính sách phù hợp để

A. giảm quy mô doanh nghiệp. **B.** đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

C. hạn chế xuất khẩu hàng hóa. **D.** chia đều các nguồn thu nhập.

Câu 3. Là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động, thông qua các hình thức thoả thuận về giá cả và các điều kiện làm việc khác trên cơ sở một hợp đồng lao động là nội dung của khái niệm

A. thị trường lao động. **B.** thị trường công nghệ.

C. thị trường tiền tệ. **D.** thị trường tài chính.

Câu 4. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ

A. độc lập. **B.** chặt chẽ. **C.** rất đặc biệt. **D.** cộng sinh.

Câu 5. Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kỳ nhất định được gọi là

A. thị trường kinh doanh. **B.** thị trường việc làm.

C. thị trường thất nghiệp. **D.** thị trường tài chính.

Câu 6. Tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh là nội dung của khái niệm

A. Cơ hội kinh doanh. **B.** Đạo đức kinh doanh.

C. Triết lý kinh doanh. **D.** Ý tưởng kinh doanh.

Câu 7. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

A. thất nghiệp cơ cấu. **B.** thất nghiệp tự nguyện.

C. thất nghiệp chu kỳ. **D.** thất nghiệp tạm thời.

Câu 8. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

A. cung cầu. **B.** lạm phát. **C.** thị trường. **D.** tiền tệ.

Câu 9. Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

A. lao động. **B.** sức lao động. **C.** thất nghiệp. **D.** việc làm.

Câu 10. Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

A. cạnh tranh. **B.** cung cầu. **C.** lao động. **D.** thất nghiệp.

Câu 11. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

A. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.

B. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.

C. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.

D. Khó khăn của chủ thể sản xuất.

Câu 12. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

A. Định hướng chủ thể sản xuất.

B. Làm gia tăng tình trạng thất nghiệp.

C. Thúc đẩy lạm phát và thất nghiệp.

D. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.

Câu 13. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

A. lạm phát.

B. cầu.

C. thất nghiệp.

D. cung.

Câu 14. Để phát triển thị trường lao động và thị trường việc làm, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người dân nếu đủ điều kiện đều được

A. chia đều của cải xã hội.

B. phát triển kinh tế gia đình.

C. thỏa thuận lao động tập thể.

D. san bằng thu nhập cá nhân.

Câu 15. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

A. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.

B. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.

C. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

D. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.

Câu 16. Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

A. Lạm phát.

B. Thiếu lao động.

C. Thất nghiệp.

D. Thiếu việc làm.

Câu 17. Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho giá trị đồng tiền của nước đó như thế nào?

A. Không thay đổi giá trị.

B. Ngày càng tăng giá trị.

C. Mất giá nhanh chóng.

D. Tăng giá trị phi mã.

Câu 18. Khi xác định được cơ hội kinh doanh tốt sẽ góp phần giúp các chủ thể

A. gia tăng nguy cơ phá sản.

B. chủ động kinh doanh.

C. dễ mắc sai lầm.

D. giảm sức cạnh tranh.

Câu 19. Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là

A. ý tưởng kinh doanh.

B. mục tiêu kinh doanh.

C. chiến lược kinh doanh.

D. cơ hội kinh doanh.

Câu 20. Lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định là nội dung khái niệm

A. lạm phát.

B. cung.

C. thất nghiệp.

D. cầu.

Câu 21. Việc các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về nghĩa vụ bảo vệ môi trường khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện tốt phẩm chất đạo đức nào dưới đây khi kinh doanh?

A. Tôn trọng.

B. Hợp tác.

C. Trách nhiệm.

D. Trung thực.

Câu 22. Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa là nội dung của khái niệm

A. lợi tức.

B. tranh giành.

C. cạnh tranh.

D. đấu tranh.

Câu 23. Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường

A. hàng hóa.

B. việc làm.

C. lao động.

D. tiêu dùng.

Câu 24. Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc lợi thế nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh?

A. Sự đam mê của chủ thể sản xuất kinh doanh.

B. Sự hiểu biết của chủ thể sản xuất kinh doanh.

C. Khả năng huy động các nguồn lực.

D. Chính sách vĩ mô của Nhà nước.

Câu 25. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?

A. Đem lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh.

B. Giảm thiểu nguy cơ lạm phát, tăng giá.

C. Nâng tầm thương hiệu quốc gia.

D. Lãnh mạnh hóa và thúc đẩy thị trường.

Câu 26. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

A. ý tưởng kinh doanh.

B. ý tưởng kiến trúc.

C. ý tưởng hội họa.

D. ý tưởng nghệ thuật.

Câu 27. Việc duy trì và thực hiện tốt đạo đức kinh doanh sẽ giúp cho các chủ thể kinh tế

A. Khắc phục chênh lệch vùng miền.

B. Tăng cường công tác truyền thông.

C. Nâng cao uy tín và thương hiệu.

D. Nâng cao lợi thế vùng miền.

Câu 28. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Công ty bị phá sản phải ngừng hoạt động.

B. Do không hài lòng với công việc được giao.

C. Nền kinh tế bị lạm phát và rơi vào khủng hoảng.

D. Thuộc đối tượng tinh giảm biên chế của công ty.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1 (2 điểm): Với lợi thế gần các trường học, sau khi tìm hiểu thực tế các cửa hàng kinh doanh đồ dùng học tập trên địa bàn còn khá sơ sài chưa có sức thu hút học sinh. Rất nhanh chóng, anh H đã lên kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện chớp lấy thời cơ để mở cửa hàng kinh doanh dụng cụ học tập. Để có thể cạnh tranh với các cửa hàng khác, anh H tích cực tìm kiếm các đồ dùng học tập độc đáo, có mẫu mã đẹp, phù hợp với thị hiếu của học sinh thay vì đơn giản như các đồ dùng học tập đại trà trên thị trường. Sự nhạy bén và linh hoạt trong việc chớp lấy thời cơ để cung cấp các mặt hàng phù hợp thị hiếu của học sinh đã giúp anh H gặt hái được những thành công ban đầu.

a. Trong trường hợp này anh H đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh H đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?

b. Theo em năng lực gì đã giúp anh H có những thành công ban đầu?

Câu 2 (1 điểm): Năm 2016 sau khi ra mắt dòng sản phẩm Samsung Galaxy Note 7 , mặc dù được khách hàng hết sức đón nhận. Tuy nhiên sau đó hãng phát hiện dòng sản phẩm này có một số lỗi nhỏ có thể gây nguy hiểm cho khách hàng. Samsung đã quyết định tiến hành thu hồi toàn bộ sản phẩm và hoàn tiền đối với tất cả các khách hàng đã mua sản phẩm này tại Việt Nam và trên toàn thế giới cũng như công khai xin lỗi tới khách hàng.

Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm này có tác động như thế nào đến chủ thể kinh tế đó?

----- **HẾT** -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 11B.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh là nội dung của khái niệm

- A. Triết lý kinh doanh. B. Cơ hội kinh doanh.
C. Đạo đức kinh doanh. D. Ý tưởng kinh doanh.

Câu 2. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp tự nguyện. B. thất nghiệp cơ cấu.
C. thất nghiệp tạm thời. D. thất nghiệp chu kỳ.

Câu 3. Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

- A. sức lao động. B. thất nghiệp. C. lao động. D. việc làm.

Câu 4. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. thị trường. B. cung cầu. C. lạm phát. D. tiền tệ.

Câu 5. Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

- A. cạnh tranh. B. thất nghiệp. C. cung cầu. D. lao động.

Câu 6. Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kỳ nhất định được gọi là

- A. thị trường thất nghiệp. B. thị trường kinh doanh.
C. thị trường việc làm. D. thị trường tài chính.

Câu 7. Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho giá trị đồng tiền của nước đó như thế nào?

- A. Tăng giá trị phi mã. B. Không thay đổi giá trị.
C. Mất giá nhanh chóng. D. Ngày càng tăng giá trị.

Câu 8. Lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định là nội dung khái niệm

- A. cung. B. lạm phát. C. thất nghiệp. D. cầu.

Câu 9. Việc các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về nghĩa vụ bảo vệ môi trường khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện tốt phẩm chất đạo đức nào dưới đây khi kinh doanh?

- A. Trách nhiệm. B. Hợp tác. C. Trung thực. D. Tôn trọng.

Câu 10. Một trong những giải pháp để giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay đó là nhà nước cần có chính sách phù hợp để

- A. hạn chế xuất khẩu hàng hóa. B. giảm quy mô doanh nghiệp.
C. chia đều các nguồn thu nhập. D. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Câu 11. Trong sản xuất và kinh doanh hàng hoá, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. đầu cơ tích trữ hàng hóa. B. áp dụng kỹ thuật tiên tiến.
C. hủy hoại môi trường tự nhiên. D. làm giả thương hiệu.

Câu 12. Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc lợi thế nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh?

- A. Sự đam mê của chủ thể sản xuất kinh doanh.
- B. Chính sách vĩ mô của Nhà nước.
- C. Khả năng huy động các nguồn lực.
- D. Sự hiểu biết của chủ thể sản xuất kinh doanh.

Câu 13. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Nền kinh tế bị lạm phát và rơi vào khủng hoảng.
- B. Công ty bị phá sản phải ngừng hoạt động.
- C. Do không hài lòng với công việc được giao.
- D. Thuộc đối tượng tinh giảm biên chế của công ty.

Câu 14. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ

- A. độc lập.
- B. rất đặc biệt.
- C. chặt chẽ.
- D. cộng sinh.

Câu 15. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

- A. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.
- B. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.
- C. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.
- D. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.

Câu 16. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. lạm phát.
- B. thất nghiệp.
- C. cung.
- D. cầu.

Câu 17. Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường

- A. tiêu dùng.
- B. lao động.
- C. việc làm.
- D. hàng hóa.

Câu 18. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

- A. ý tưởng kinh doanh.
- B. ý tưởng hội họa.
- C. ý tưởng nghệ thuật.
- D. ý tưởng kiến trúc.

Câu 19. Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là

- A. mục tiêu kinh doanh.
- B. chiến lược kinh doanh.
- C. cơ hội kinh doanh.
- D. ý tưởng kinh doanh.

Câu 20. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

- A. Định hướng chủ thể sản xuất.
- B. Làm gia tăng tình trạng thất nghiệp.
- C. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.
- D. Thúc đẩy lạm phát và thất nghiệp.

Câu 21. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?

- A. Lành mạnh hóa và thúc đẩy thị trường.
- B. Giảm thiểu nguy cơ lạm phát, tăng giá.
- C. Đem lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh.
- D. Nâng tầm thương hiệu quốc gia.

Câu 22. Để phát triển thị trường lao động và thị trường việc làm, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người dân nếu đủ điều kiện đều được

- A. thỏa thuận lao động tập thể.
- B. san bằng thu nhập cá nhân.
- C. chia đều của cải xã hội.
- D. phát triển kinh tế gia đình.

Câu 23. Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa là nội dung của khái niệm

- A. lợi tức.
- B. tranh giành.
- C. cạnh tranh.
- D. đấu tranh.

Câu 24. Việc duy trì và thực hiện tốt đạo đức kinh doanh sẽ giúp cho các chủ thể kinh tế

- A. Nâng cao lợi thế vùng miền.
- B. Khắc phục chênh lệch vùng miền.
- C. Nâng cao uy tín và thương hiệu.
- D. Tăng cường công tác truyền thông.

Câu 25. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

- A. Khó khăn của chủ thể sản xuất.
- B. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.
- C. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.
- D. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.

Câu 26. Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Thiếu lao động.
- B. Thất nghiệp.
- C. Thiếu việc làm.
- D. Lạm phát.

Câu 27. Khi xác định được cơ hội kinh doanh tốt sẽ góp phần giúp các chủ thể

- A. giảm sức cạnh tranh.
- B. dễ mắc sai lầm.
- C. chủ động kinh doanh.
- D. gia tăng nguy cơ phá sản.

Câu 28. Là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động, thông qua các hình thức thoả thuận về giá cả và các điều kiện làm việc khác trên cơ sở một hợp đồng lao động là nội dung của khái niệm

- A. thị trường công nghệ.
- B. thị trường tiền tệ.
- C. thị trường lao động.
- D. thị trường tài chính.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Nhận thấy nhu cầu thực phẩm sạch ngày càng tăng. Anh T có dự định sẽ đầu tư kinh phí mở cửa hàng kinh doanh mặt hàng thực phẩm sạch, trước khi ra quyết định kinh doanh, anh đã phân tích nhu cầu của thị trường, tìm kiếm các mối quan hệ có thể hỗ trợ anh khi cần thiết cũng như đánh giá những khó khăn, sự cạnh tranh với người kinh doanh khác trên thị trường.

a. Trong trường hợp này anh T đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh T đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?

b. Theo em trong trường hợp này anh T đã thể hiện tốt năng lực gì trong kinh doanh?

Câu 2 (1 điểm): Năm 2022, sau khi nhận được thư tố cáo của người dân, cơ quan điều tra đã ra kết luận về việc Công ty bảo hiểm Manulife và Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) "bắt tay nhau" trong việc lừa khách hàng gửi tiết kiệm, "hô biến" tiền gửi tiết kiệm của khách thành hợp đồng bảo hiểm nhân thọ gây thiệt tại to lớn về tài sản đối với khách hàng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của các chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm đó sẽ gây hậu quả như thế nào đối với các chủ thể kinh tế đó?

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp11B.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

- A. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.
- B. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.
- C. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.
- D. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

Câu 2. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

- A. ý tưởng kiến trúc.
- B. ý tưởng nghệ thuật.
- C. ý tưởng hội họa.
- D. ý tưởng kinh doanh.

Câu 3. Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc lợi thế nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh?

- A. Khả năng huy động các nguồn lực.
- B. Sự đam mê của chủ thể sản xuất kinh doanh.
- C. Sự hiểu biết của chủ thể sản xuất kinh doanh.
- D. Chính sách vĩ mô của Nhà nước.

Câu 4. Tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh là nội dung của khái niệm

- A. Đạo đức kinh doanh.
- B. Ý tưởng kinh doanh.
- C. Triết lý kinh doanh.
- D. Cơ hội kinh doanh.

Câu 5. Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho giá trị đồng tiền của nước đó như thế nào?

- A. Tăng giá trị phi mã.
- B. Không thay đổi giá trị.
- C. Mất giá nhanh chóng.
- D. Ngày càng tăng giá trị.

Câu 6. Việc các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về nghĩa vụ bảo vệ môi trường khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện tốt phẩm chất đạo đức nào dưới đây khi kinh doanh?

- A. Tôn trọng.
- B. Trách nhiệm.
- C. Hợp tác.
- D. Trung thực.

Câu 7. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Nền kinh tế bị lạm phát và rơi vào khủng hoảng.
- B. Thuộc đối tượng tinh giảm biên chế của công ty.
- C. Công ty bị phá sản phải ngừng hoạt động.
- D. Do không hài lòng với công việc được giao.

Câu 8. Một trong những giải pháp để giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay đó là nhà nước cần có chính sách phù hợp để

- A. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
- B. hạn chế xuất khẩu hàng hóa.
- C. giảm quy mô doanh nghiệp.
- D. chia đều các nguồn thu nhập.

Câu 9. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?

- A. Đem lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh.

- B. Giảm thiểu nguy cơ lạm phát, tăng giá.
- C. Lãnh mạnh hóa và thúc đẩy thị trường.
- D. Nâng tầm thương hiệu quốc gia.

Câu 10. Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là

- A. chiến lược kinh doanh.
- B. cơ hội kinh doanh.
- C. ý tưởng kinh doanh.
- D. mục tiêu kinh doanh.

Câu 11. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp tự nguyện.
- B. thất nghiệp chu kỳ.
- C. thất nghiệp tạm thời.
- D. thất nghiệp cơ cấu.

Câu 12. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ

- A. cộng sinh.
- B. rất đặc biệt.
- C. chặt chẽ.
- D. độc lập.

Câu 13. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

- A. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.
- B. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.
- C. Khó khăn của chủ thể sản xuất.
- D. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.

Câu 14. Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa là nội dung của khái niệm

- A. cạnh tranh.
- B. lợi tức.
- C. tranh giành.
- D. đấu tranh.

Câu 15. Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

- A. Thiếu việc làm.
- B. Thất nghiệp.
- C. Lạm phát.
- D. Thiếu lao động.

Câu 16. Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. làm giả thương hiệu.
- B. áp dụng kĩ thuật tiên tiến.
- C. đầu cơ tích trữ hàng hóa.
- D. hủy hoại môi trường tự nhiên.

Câu 17. Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

- A. việc làm.
- B. sức lao động.
- C. thất nghiệp.
- D. lao động.

Câu 18. Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

- A. cung cầu.
- B. cạnh tranh.
- C. lao động.
- D. thất nghiệp.

Câu 19. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. tiền tệ.
- B. thị trường.
- C. cung cầu.
- D. lạm phát.

Câu 20. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. thất nghiệp.
- B. cầu.
- C. lạm phát.
- D. cung.

Câu 21. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

- A. Thúc đẩy lạm phát và thất nghiệp.
- B. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.
- C. Định hướng chủ thể sản xuất.
- D. Làm gia tăng tình trạng thất nghiệp.

Câu 22. Lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định là nội dung khái niệm

- A. cầu.
- B. cung.
- C. thất nghiệp.
- D. lạm phát.

Câu 23. Việc duy trì và thực hiện tốt đạo đức kinh doanh sẽ giúp cho các chủ thể kinh tế

- A. Nâng cao lợi thế vùng miền.
- B. Khắc phục chênh lệch vùng miền.

C. Nâng cao uy tín và thương hiệu.

D. Tăng cường công tác truyền thông.

Câu 24. Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kì nhất định được gọi là

A. thị trường thất nghiệp.

B. thị trường tài chính.

C. thị trường kinh doanh.

D. thị trường việc làm.

Câu 25. Là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động, thông qua các hình thức thoả thuận về giá cả và các điều kiện làm việc khác trên cơ sở một hợp đồng lao động là nội dung của khái niệm

A. thị trường công nghệ.

B. thị trường tiền tệ.

C. thị trường lao động.

D. thị trường tài chính.

Câu 26. Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường

A. hàng hóa.

B. lao động.

C. việc làm.

D. tiêu dùng.

Câu 27. Để phát triển thị trường lao động và thị trường việc làm, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người dân nếu đủ điều kiện đều được

A. phát triển kinh tế gia đình.

B. thoả thuận lao động tập thể.

C. chia đều của cải xã hội.

D. san bằng thu nhập cá nhân.

Câu 28. Khi xác định được cơ hội kinh doanh tốt sẽ góp phần giúp các chủ thể

A. chủ động kinh doanh.

B. giảm sức cạnh tranh.

C. dễ mắc sai lầm.

D. gia tăng nguy cơ phá sản.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1 (2 điểm): Với lợi thế gần các trường học, sau khi tìm hiểu thực tế các cửa hàng kinh doanh đồ dùng học tập trên địa bàn còn khá sơ sài chưa có sức thu hút học sinh. Rất nhanh chóng, anh H đã lên kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện chớp lấy thời cơ để mở cửa hàng kinh doanh dụng cụ học tập. Để có thể cạnh tranh với các cửa hàng khác, anh H tích cực tìm kiếm các đồ dùng học tập độc đáo, có mẫu mã đẹp, phù hợp với thị hiếu của học sinh thay vì đơn giản như các đồ dùng học tập đại trà trên thị trường. Sự nhạy bén và linh hoạt trong việc chớp lấy thời cơ để cung cấp các mặt hàng phù hợp thị hiếu của học sinh đã giúp anh H gặt hái được những thành công ban đầu.

a. Trong trường hợp này anh H đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh H đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?

b. Theo em năng lực gì đã giúp anh H có những thành công ban đầu?

Câu 2 (1 điểm): Năm 2016 sau khi ra mắt dòng sản phẩm Samsung Galaxy Note 7 , mặc dù được khách hàng hết sức đón nhận. Tuy nhiên sau đó hãng phát hiện dòng sản phẩm này có một số lỗi nhỏ có thể gây nguy hiểm cho khách hàng. Samsung đã quyết định tiến hành thu hồi toàn bộ sản phẩm và hoàn tiền đổi với tất cả các khách hàng đã mua sản phẩm này tại Việt Nam và trên toàn thế giới cũng như công khai xin lỗi tới khách hàng.

Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm này có tác động như thế nào đến chủ thể kinh tế đó?

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp11B.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

- A. lạm phát. B. cung cầu. C. thị trường. D. tiền tệ.

Câu 2. Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là

- A. cơ hội kinh doanh. B. ý tưởng kinh doanh.
C. mục tiêu kinh doanh. D. chiến lược kinh doanh.

Câu 3. Khi xác định được cơ hội kinh doanh tốt sẽ góp phần giúp các chủ thể

- A. gia tăng nguy cơ phá sản. B. dễ mắc sai lầm.
C. giảm sức cạnh tranh. D. chủ động kinh doanh.

Câu 4. Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

- A. lao động. B. việc làm. C. sức lao động. D. thất nghiệp.

Câu 5. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. thất nghiệp. B. lạm phát. C. cung. D. cầu.

Câu 6. Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kỳ nhất định được gọi là

- A. thị trường việc làm. B. thị trường kinh doanh.
C. thị trường tài chính. D. thị trường thất nghiệp.

Câu 7. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

- A. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.
B. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.
C. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.
D. Khó khăn của chủ thể sản xuất.

Câu 8. Tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh là nội dung của khái niệm

- A. Đạo đức kinh doanh. B. Cơ hội kinh doanh.
C. Triết lý kinh doanh. D. Ý tưởng kinh doanh.

Câu 9. Để phát triển thị trường lao động và thị trường việc làm, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người dân nếu đủ điều kiện đều được

- A. phát triển kinh tế gia đình. B. san bằng thu nhập cá nhân.
C. thỏa thuận lao động tập thể. D. chia đều của cải xã hội.

Câu 10. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp cơ cấu. B. thất nghiệp tạm thời.
C. thất nghiệp chu kỳ. D. thất nghiệp tự nguyện.

Câu 11. Việc duy trì và thực hiện tốt đạo đức kinh doanh sẽ giúp cho các chủ thể kinh tế

- A. Nâng cao uy tín và thương hiệu. B. Khắc phục chênh lệch vùng miền.

C. Nâng cao lợi thế vùng miền.

D. Tăng cường công tác truyền thông.

Câu 12. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ

A. chặt chẽ.

B. rất đặc biệt.

C. độc lập.

D. cộng sinh.

Câu 13. Một trong những giải pháp để giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay đó là nhà nước cần có chính sách phù hợp để

A. giảm quy mô doanh nghiệp.

B. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

C. hạn chế xuất khẩu hàng hóa.

D. chia đều các nguồn thu nhập.

Câu 14. Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

A. Thiếu lao động.

B. Thiếu việc làm.

C. Lạm phát.

D. Thất nghiệp.

Câu 15. Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc lợi thế nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh?

A. Khả năng huy động các nguồn lực.

B. Sự đam mê của chủ thể sản xuất kinh doanh.

C. Sự hiểu biết của chủ thể sản xuất kinh doanh.

D. Chính sách vĩ mô của Nhà nước.

Câu 16. Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho giá trị đồng tiền của nước đó như thế nào?

A. Mất giá nhanh chóng.

B. Tăng giá trị phi mã.

C. Không thay đổi giá trị.

D. Ngày càng tăng giá trị.

Câu 17. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

A. ý tưởng kiến trúc.

B. ý tưởng nghệ thuật.

C. ý tưởng hội họa.

D. ý tưởng kinh doanh.

Câu 18. Là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động, thông qua các hình thức thỏa thuận về giá cả và các điều kiện làm việc khác trên cơ sở một hợp đồng lao động là nội dung của khái niệm

A. thị trường tài chính.

B. thị trường tiền tệ.

C. thị trường công nghệ.

D. thị trường lao động.

Câu 19. Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa là nội dung của khái niệm

A. tranh giành.

B. cạnh tranh.

C. đấu tranh.

D. lợi tức.

Câu 20. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Thuộc đối tượng tinh giảm biên chế của công ty.

B. Do không hài lòng với công việc được giao.

C. Nền kinh tế bị lạm phát và rơi vào khủng hoảng.

D. Công ty bị phá sản phải ngừng hoạt động.

Câu 21. Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường

A. việc làm.

B. tiêu dùng.

C. lao động.

D. hàng hóa.

Câu 22. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

A. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

B. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.

C. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.

D. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.

Câu 23. Lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định là nội dung khái niệm

A. lạm phát.

B. cầu.

C. cung.

D. thất nghiệp.

Câu 24. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?

A. Giảm thiểu nguy cơ lạm phát, tăng giá.

- B. Lành mạnh hóa và thúc đẩy thị trường.
- C. Nâng tầm thương hiệu quốc gia.
- D. Đem lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh.

Câu 25. Việc các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về nghĩa vụ bảo vệ môi trường khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện tốt phẩm chất đạo đức nào dưới đây khi kinh doanh?

- A. Hợp tác.
- B. Trách nhiệm.
- C. Tôn trọng.
- D. Trung thực.

Câu 26. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

- A. Làm gia tăng tình trạng thất nghiệp.
- B. Thúc đẩy lạm phát và thất nghiệp.
- C. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.
- D. Định hướng chủ thể sản xuất.

Câu 27. Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. làm giả thương hiệu.
- B. hủy hoại môi trường tự nhiên.
- C. áp dụng kỹ thuật tiên tiến.
- D. đầu cơ tích trữ hàng hóa.

Câu 28. Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

- A. cung cầu.
- B. thất nghiệp.
- C. cạnh tranh.
- D. lao động.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (2 điểm): Nhận thấy nhu cầu thực phẩm sạch ngày càng tăng. Anh T có dự định sẽ đầu tư kinh phí mở cửa hàng kinh doanh mặt hàng thực phẩm sạch, trước khi ra quyết định kinh doanh, anh đã phân tích nhu cầu của thị trường, tìm kiếm các mối quan hệ có thể hỗ trợ anh khi cần thiết cũng như đánh giá những khó khăn, sự cạnh tranh với người kinh doanh khác trên thị trường.

a. Trong trường hợp này anh T đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh T đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?

b. Theo em trong trường hợp này anh T đã thể hiện tốt năng lực gì trong kinh doanh?

Câu 2 (1 điểm): Năm 2022, sau khi nhận được thư tố cáo của người dân, cơ quan điều tra đã ra kết luận về việc Công ty bảo hiểm Manulife và Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) "bắt tay nhau" trong việc lừa khách hàng gửi tiết kiệm, "hô biến" tiền gửi tiết kiệm của khách thành hợp đồng bảo hiểm nhân thọ gây thiệt hại to lớn về tài sản đối với khách hàng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của các chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm đó sẽ gây hậu quả như thế nào đối với các chủ thể kinh tế đó?

----- HẾT -----

Mã đề: 118

Họ và tên học sinh:.....Lớp 11B.....SBD.....

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường tương ứng với mức giá cả được xác định trong một khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. lạm phát. B. thất nghiệp. C. cung. D. cầu.

Câu 2. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Do không hài lòng với công việc được giao.
B. Nền kinh tế bị lạm phát và rơi vào khủng hoảng.
C. Công ty bị phá sản phải ngừng hoạt động.
D. Thuộc đối tượng tinh giảm biên chế của công ty.

Câu 3. Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức

- A. thất nghiệp chu kỳ. B. thất nghiệp tự nguyện.
C. thất nghiệp cơ cấu. D. thất nghiệp tạm thời.

Câu 4. Việc các chủ thể sản xuất kinh doanh luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về nghĩa vụ bảo vệ môi trường khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện tốt phẩm chất đạo đức nào dưới đây khi kinh doanh?

- A. Tôn trọng. B. Trung thực. C. Trách nhiệm. D. Hợp tác.

Câu 5. Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, vai trò tích cực của cạnh tranh thể hiện ở việc những người sản xuất vì giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

- A. hủy hoại môi trường tự nhiên. B. đầu cơ tích trữ hàng hóa.
C. áp dụng kỹ thuật tiên tiến. D. làm giả thương hiệu.

Câu 6. Để phát triển thị trường lao động và thị trường việc làm, Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để mọi người dân nếu đủ điều kiện đều được

- A. thỏa thuận lao động tập thể. B. san bằng thu nhập cá nhân.
C. phát triển kinh tế gia đình. D. chia đều của cải xã hội.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

- A. Thúc đẩy lạm phát và thất nghiệp.
B. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.
C. Định hướng chủ thể sản xuất.
D. Làm gia tăng tình trạng thất nghiệp.

Câu 8. Khi xác định được cơ hội kinh doanh tốt sẽ góp phần giúp các chủ thể

- A. gia tăng nguy cơ phá sản. B. giảm sức cạnh tranh.
C. dễ mắc sai lầm. D. chủ động kinh doanh.

Câu 9. Lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định là nội dung khái niệm

- A. thất nghiệp. B. cung. C. lạm phát. D. cầu.

Câu 10. Tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh là nội dung của khái niệm

- A. Đạo đức kinh doanh. B. Cơ hội kinh doanh.

C. Ý tưởng kinh doanh.

D. Triết lý kinh doanh.

Câu 11. Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh?

A. Đem lại lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh.

B. Nâng tầm thương hiệu quốc gia.

C. Giảm thiểu nguy cơ lạm phát, tăng giá.

D. Lãnh mạnh hóa và thúc đẩy thị trường.

Câu 12. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ

A. rất đặc biệt.

B. chặt chẽ.

C. độc lập.

D. cộng sinh.

Câu 13. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

A. ý tưởng kinh doanh.

B. ý tưởng kiến trúc.

C. ý tưởng hội họa.

D. ý tưởng nghệ thuật.

Câu 14. Việc duy trì và thực hiện tốt đạo đức kinh doanh sẽ giúp cho các chủ thể kinh tế

A. Nâng cao uy tín và thương hiệu.

B. Nâng cao lợi thế vùng miền.

C. Tăng cường công tác truyền thông.

D. Khắc phục chênh lệch vùng miền.

Câu 15. Trong các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc lợi thế nội tại của chủ thể sản xuất kinh doanh?

A. Khả năng huy động các nguồn lực.

B. Sự hiểu biết của chủ thể sản xuất kinh doanh.

C. Chính sách vĩ mô của Nhà nước.

D. Sự đam mê của chủ thể sản xuất kinh doanh.

Câu 16. Thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm có vai trò là cầu nối trong việc gắn kết thị trường lao động với thị trường

A. việc làm.

B. hàng hóa.

C. lao động.

D. tiêu dùng.

Câu 17. Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội là nội dung của khái niệm

A. cung cầu.

B. thất nghiệp.

C. cạnh tranh.

D. lao động.

Câu 18. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

A. Điểm yếu nội tại và khó khăn bên ngoài.

B. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.

C. Khó khăn của chủ thể sản xuất.

D. Mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.

Câu 19. Một trong những giải pháp để giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay đó là nhà nước cần có chính sách phù hợp để

A. đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

B. chia đều các nguồn thu nhập.

C. giảm quy mô doanh nghiệp.

D. hạn chế xuất khẩu hàng hóa.

Câu 20. Hành vi nào dưới đây là biểu hiện của đạo đức kinh doanh?

A. Sản xuất, kinh doanh hàng giả, kém chất lượng.

B. Đảm bảo lợi ích chính đáng cho người lao động.

C. Tìm mọi cách để triệt hạ đối thủ cạnh tranh.

D. Phân biệt đối xử giữa các lao động nam và nữ.

Câu 21. Là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động, thông qua các hình thức thỏa thuận về giá cả và các điều kiện làm việc khác trên cơ sở một hợp đồng lao động là nội dung của khái niệm

A. thị trường tiền tệ.

B. thị trường lao động.

C. thị trường công nghệ.

D. thị trường tài chính.

Câu 22. Những hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm là nội dung của khái niệm

A. lao động.

B. việc làm.

C. sức lao động.

D. thất nghiệp.

Câu 23. Trong mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến hiện tượng nào trong xã hội gia tăng?

A. Thiếu việc làm. B. Thất nghiệp. C. Lạm phát. D. Thiếu lao động.

Câu 24. Sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa là nội dung của khái niệm

A. tranh giành. B. đấu tranh. C. lợi tức. D. cạnh tranh.

Câu 25. Nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kỳ nhất định được gọi là

A. thị trường việc làm. B. thị trường kinh doanh.
C. thị trường tài chính. D. thị trường thất nghiệp.

Câu 26. Trong nền kinh tế thị trường khi xuất hiện tình trạng lạm phát phi mã sẽ làm cho giá trị đồng tiền của nước đó như thế nào?

A. Ngày càng tăng giá trị. B. Không thay đổi giá trị.
C. Mất giá nhanh chóng. D. Tăng giá trị phi mã.

Câu 27. Trong nền kinh tế, khi mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế tăng một cách liên tục trong một thời gian nhất định được gọi là

A. tiền tệ. B. cung cầu. C. lạm phát. D. thị trường.

Câu 28. Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là

A. mục tiêu kinh doanh. B. ý tưởng kinh doanh.
C. cơ hội kinh doanh. D. chiến lược kinh doanh.

II. PHẢN TỰ LUẬN

Câu 1 (2 điểm): Với lợi thế gần các trường học, sau khi tìm hiểu thực tế các cửa hàng kinh doanh đồ dùng học tập trên địa bàn còn khá sơ sài chưa có sức thu hút học sinh. Rất nhanh chóng, anh H đã lên kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện chớp lấy thời cơ để mở cửa hàng kinh doanh dụng cụ học tập. Để có thể cạnh tranh với các cửa hàng khác, anh H tích cực tìm kiếm các đồ dùng học tập độc đáo, có mẫu mã đẹp, phù hợp với thị hiếu của học sinh thay vì đơn giản như các đồ dùng học tập đại trà trên thị trường. Sự nhạy bén và linh hoạt trong việc chớp lấy thời cơ để cung cấp các mặt hàng phù hợp thị hiếu của học sinh đã giúp anh H gặt hái được những thành công ban đầu.

a. Trong trường hợp này anh H đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh H đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?

b. Theo em năng lực gì đã giúp anh H có những thành công ban đầu?

Câu 2 (1 điểm): Năm 2016 sau khi ra mắt dòng sản phẩm Samsung Galaxy Note 7 , mặc dù được khách hàng hết sức đón nhận. Tuy nhiên sau đó hãng phát hiện dòng sản phẩm này có một số lỗi nhỏ có thể gây nguy hiểm cho khách hàng. Samsung đã quyết định tiến hành thu hồi toàn bộ sản phẩm và hoàn tiền đổi với tất cả các khách hàng đã mua sản phẩm này tại Việt Nam và trên toàn thế giới cũng như công khai xin lỗi tới khách hàng.

Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm này có tác động như thế nào đến chủ thể kinh tế đó?

----- HẾT -----

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu	Mã đề							
	111	112	113	114	115	116	117	118
1	B	D	B	C	C	C	A	C
2	B	A	C	B	B	D	A	A
3	B	B	D	A	D	D	D	C
4	D	D	D	B	C	A	B	C
5	B	B	C	B	D	C	C	C
6	D	B	A	B	C	B	A	C
7	A	B	D	A	C	D	C	C
8	D	D	B	B	D	A	A	D
9	A	B	D	D	A	A	A	D
10	B	C	C	C	D	B	A	A
11	C	C	D	B	B	D	A	A
12	C	C	C	A	B	C	A	B
13	B	D	D	D	C	B	B	A
14	C	B	D	B	C	A	A	A
15	B	B	B	A	D	D	D	C
16	B	C	D	B	C	B	A	A
17	A	D	C	C	C	A	D	D
18	D	C	C	B	A	C	D	B
19	C	C	B	D	C	D	B	A
20	D	A	B	D	A	D	B	B
21	A	D	B	C	C	C	A	B
22	C	C	D	C	D	A	C	B
23	D	B	C	B	C	C	B	D
24	C	B	D	D	C	D	D	D
25	A	D	B	A	C	C	B	A
26	D	B	B	A	A	C	D	C
27	B	D	D	C	C	A	C	C
28	D	C	C	B	C	A	D	C

II. PHẦN TỰ LUẬN

A. ĐỀ LỄ

Câu	Gợi ý trả lời	Điểm
Câu 1 (2,0 điểm)	a. Trong trường hợp này anh T đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh T đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?	
	- Anh T đã xây dựng được ý tưởng kinh doanh - Ý tưởng kinh doanh của anh T là: Kinh doanh thực phẩm sạch. - Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh điều này giúp anh có thể tạo ra các sản phẩm, dịch vụ đem lại giá trị cho người mua, đạt được mục tiêu lợi nhuận, tránh được sự thất bại trong kinh doanh.	0,5 0,5 0,5
	b. Theo em trong trường hợp này anh T đã thể hiện tốt năng lực gì trong kinh doanh?	0,5

	- Anh T có năng lực phân tích và đánh giá cơ hội kinh doanh: Trước khi tiến hành kinh doanh, anh T đã nghiên cứu, phân tích các yếu tố các ảnh hưởng tới chiến lược kinh doanh của mình, việc làm này giúp anh có thể tránh được những rủi ro khi tiến hành kinh doanh	
Câu 2 (1,0 điểm)	<i>Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của các chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm đó sẽ gây hậu quả như thế nào đối với các chủ thể kinh tế đó?</i>	
	- Là hành vi lừa dối khách hàng, không trung thực vi phạm các nguyên tắc và chuẩn mực trong kinh doanh, xâm phạm tới lợi ích của khách hàng. Là hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm đạo đức kinh doanh. - Hậu quả: làm cho uy tín của doanh nghiệp bị giảm sút, khách hàng mất niềm tin ở doanh nghiệp, có thể làm cho doanh nghiệp bị phá sản. Đây là hành vi vi phạm pháp luật nên các chủ thể kinh tế này có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật.	0,5 0,5

B. ĐỀ CHẤM:

Câu	Gợi ý trả lời	Điểm
Câu 1 (2,0 điểm)	<i>a. Trong trường hợp này anh H đã xây dựng ý tưởng kinh doanh hay cơ hội kinh doanh. Em hãy chỉ rõ ý tưởng kinh doanh hoặc cơ hội kinh doanh mà anh H đã xác định trong trường hợp trên. Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh có ý nghĩa như thế nào?</i>	
	- Anh H đã xác định được cơ hội kinh doanh - Cơ hội kinh doanh ở đây là: Kinh doanh văn phòng phẩm - Việc xác định và đánh giá các yếu tố trước khi kinh doanh đã giúp anh H xác định được điểm yếu của các cửa hàng bên cạnh để từ đó xây dựng kế hoạch kinh doanh cho bản thân một cách phù hợp từ đó thu về lợi nhuận cho mình	0,5 0,5 0,5
	<i>b. Theo em năng lực gì đã giúp anh H có những thành công ban đầu?</i>	
	- Anh H có năng lực nắm bắt cơ hội kinh doanh: Sự nhạy bén, nắm bắt cơ hội kinh doanh giúp các chủ thể có thể nắm bắt được thời cơ để đi tắt, đón đầu trong việc kinh doanh, mang lại lợi nhuận cao hơn	0,5
Câu 2 (1,0 điểm)	<i>Từ những hiểu biết của mình về vấn đề đạo đức kinh doanh, em có đánh giá như thế nào về việc làm của chủ thể kinh doanh trong trường hợp trên. Theo em việc làm này có tác động như thế nào đến chủ thể kinh tế đó?</i>	
	- Là hành vi thể hiện công ty đã thực hiện tốt đạo đức kinh doanh như: tôn trọng và đặt quyền lợi của khách hàng lên trên hết; luôn giữ chữ tín về chất lượng với khách hàng, sẵn sàng xin lỗi và giải quyết quyền lợi chính đáng của khách hàng - Tác động tới doanh nghiệp: tăng chi phí, giảm lợi nhuận, giúp doanh nghiệp giữ uy tín với khách hàng, gắn kết mối quan hệ giữa khách hàng và doanh nghiệp	0,5 0,5

----- HẾT -----

Kon Tum, ngày 10 tháng 12 năm 2023

Giáo viên ra đề

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1: Em và một số bạn trong lớp có giấy gọi đi khám nghĩa vụ quân sự, các bạn đã bàn với nhau rủ em trốn không đi hoặc nhờ gia đình hối lộ một số tiền với Ban chỉ huy quân sự của địa phương để không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trong trường hợp này em sẽ giải thích cho các bạn là các bạn không được làm thế và các bạn đã vi phạm pháp luật

- A. hành chính. B. giáo dục. C. nghĩa vụ quân sự. D. an ninh quốc gia.

Câu 2: Các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước là biểu hiện bình đẳng về:

- A. Bình đẳng về chính trị. B. Bình đẳng về giáo dục
C. Bình đẳng về văn hóa. D. Bình đẳng trước pháp luật.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, người ở độ tuổi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra?

- A. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. B. Từ đủ 18 tuổi trở lên.
C. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. D. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

Câu 4: Khi bàn về điểm giống nhau giữa pháp luật và đạo đức, bạn K cho rằng: “đạo đức và pháp luật đều là những quy tắc bắt buộc mọi người phải tuân theo”, bạn N cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi để hướng tới các giá trị xã hội”, bạn T cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên sức ép của dư luận xã hội”, bạn H lại cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên tính tự giác của bản thân. Theo em, quan điểm của bạn nào là đúng?

- A. Bạn T. B. Bạn K. C. Bạn N. D. Bạn H.

Câu 5: Nội dung nào sau đây **không** thuộc nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
B. Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình kinh doanh.
C. Mọi doanh nghiệp có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh theo quy định pháp luật.
D. Mọi doanh nghiệp được vay vốn của nhà nước để phát triển lâu dài.

Câu 6: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Bình đẳng giữa các dân tộc. B. Thực hiện pháp luật.
C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. D. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

Câu 7: Anh M là thủ quỹ của một cơ quan Nhà nước. Trong quá trình làm việc anh M nảy sinh lòng tham và thông đồng với anh T kế toán trưởng, chiếm đoạt một số tiền của cơ quan để tiêu xài cá nhân. Anh Y là kế toán viên, phát hiện ra việc làm trên của anh M và anh T nên đã báo cho giám đốc Q. Giám đốc Q do có quan hệ họ hàng với anh M nên đã làm ngơ và bỏ qua. Những ai sau đây phải chịu trách nhiệm kỷ luật ?

- A. Anh Y, M, T. B. Anh M, T, Y, Q. C. Anh M, T, Q. D. Anh Y, M, Q.

Câu 8: Công dân thực hiện hành vi nào sau đây là tuân thủ pháp luật?

- A. Chiếm đoạt tài sản công cộng. B. Chống người thi hành công vụ.
C. Từ chối che dấu tội phạm. D. Đội mũ bảo hiểm điều khiển xe máy khi tham gia giao thông.

Câu 9: Anh T là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh Q là cán bộ chức năng và đề nghị anh Q bỏ qua việc anh T đã không đăng kí giấy phép kinh doanh theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Q đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh T. Trong tình huống trên, anh T đã vi phạm hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Sử dụng pháp luật. B. Tuân thủ pháp luật.
C. Thi hành pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 10: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Vi phạm pháp luật hành chính.
- B. Vi phạm pháp luật hình sự.
- C. Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Câu 11: Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, phù hợp với pháp luật và không bị phân biệt đối xử là thể hiện

- A. bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.
- B. bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.
- C. bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
- D. bình đẳng trong sử dụng lao động.

Câu 12: Người có năng lực trách nhiệm pháp lí phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.
- B. Từ chối nhận di sản thừa kế.
- C. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.
- D. Tổ chức mua bán nội tạng người.

Câu 13: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Vi phạm pháp luật.
- B. Thực hiện pháp luật.
- C. Trách nhiệm pháp lí.
- D. Phòng chống tội phạm.

Câu 14: Anh K là chủ một cơ sở sản xuất đã làm hồ sơ để thành lập công ty và lôi kéo chị Q góp vốn với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị. Sau khi nhận được 1 tỉ đồng góp vốn của chị Q, anh K bí mật đem theo toàn bộ số tiền đó bỏ trốn nên chị Q đã tố cáo toàn bộ sự việc này với cơ quan chức năng. Anh K phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. hình sự và kỉ luật.
- B. dân sự và hình sự.
- C. hình sự và hành chính.
- D. dân sự và hành chính.

Câu 15: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình làm những gì pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Sử dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Áp dụng pháp luật.

Câu 16: Cơ sở pháp lý để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động cụ thể là thể hiện.

- A. mục đích kí kết hợp đồng lao động.
- B. nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.
- C. nội dung của hợp đồng lao động.
- D. tính chất của hợp đồng lao động.

Câu 17: Các cá nhân, tổ chức không làm những gì mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Thi hành pháp luật.
- C. Tuân thủ pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 18: Do tức giận chị N đã nói xấu mình với bà Q nên L (học sinh lớp 12) có ý định trả thù chị N. Thấy chị N đi chợ qua nhà L, L cùng chị gái là H chạy đuổi theo đến chợ. Khi chị N đang lom khom mua cá thì L đi đến dùng tay kẹp cổ chị N và kêu H vào hỗ trợ. Chị N không những bị đánh đập mà còn xé rách quần áo và dăng lên mạng xã hội; sau đó chị N vùng dậy, chạy vào cửa hàng quần áo ở gần đó và được chủ cửa hàng cho mượn quần áo để mặc. Do mọi người can ngăn nên chị em L bỏ về. Hành vi của L và H là hành vi

- A. vi phạm pháp luật hành chính với hành vi gây rối nơi công cộng.
- B. vi phạm pháp luật hình sự với tội danh làm nhục người khác.
- C. vi phạm kỉ luật.
- D. vi phạm pháp luật dân sự.

Câu 19: Chị S muốn đi học để nâng cao trình độ nhưng chồng chị không cho đi vì cho rằng phụ nữ nên dành nhiều thời gian để chăm con và lo cho gia đình. Hành vi của chồng chị S đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về

- A. giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.
- B. quyền được học tập, lao động công hiến cho xã hội.
- C. việc tham gia các hoạt động chính trị xã hội.
- D. tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.

Câu 20: Để xử lí người có hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của giai cấp cầm quyền, Nhà nước sẽ sử dụng quyền lực có tính cưỡng chế để buộc người vi phạm phải chấm dứt việc làm trái pháp luật. Khẳng định này

- A. vai trò của pháp luật.
- B. bản chất của pháp luật.
- C. đặc trưng của pháp luật.
- D. khái niệm pháp luật.

Câu 21: Ông G giám đốc bệnh viện X cùng chị H trưởng phòng tài vụ đặt mua hai máy chạy thận nhân tạo thế hệ mới nhất do anh P phân phối. Khi bàn giao, anh T kỹ thuật viên phát hiện số máy này không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã ký kết nên từ chối nhận và báo cáo toàn bộ sự việc với ông G. Sau đó, khi anh T đi công tác, theo chỉ đạo của ông G, chị H yêu cầu anh S là bảo vệ chuyển toàn bộ số máy này vào khoa cấp cứu của bệnh viện. Trong lần đầu tiên sử dụng máy chạy thận nhân tạo này đã có hai bệnh nhân tử vong. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lí

- A. Ông G, anh P và anh S.
- B. Chị H, ông G và anh P.
- C. Chị H, anh P, anh S và ông G.
- D. Ông G, anh P và anh T.

Câu 22: Anh P và anh S cùng nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh mặt hàng điện tử. Vì còn nhiều giấy tờ không hợp lệ, anh S đã hối lộ năm mươi triệu đồng nhờ ông H lãnh đạo cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ của mình. Ngay lập tức ông H yêu cầu anh T nhân viên dưới quyền của mình làm giấy tờ rồi chính ông cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh cho anh S và trực tiếp loại hồ sơ của anh P. Thấy hồ sơ của mình hợp lệ nhưng bị loại, anh P làm đơn tố cáo gửi tới các cơ quan chức năng. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự chủ đăng kí kinh doanh?

- A. Ông H và anh P.
- B. Ông H và anh T.
- C. Anh S và ông H.
- D. Anh S và anh T.

Câu 23: Khi nói về bản chất của pháp luật, anh K khẳng định pháp luật luôn thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền mà Nhà nước là đại diện. Nhưng chị H và chị X đều phản đối vì cho rằng điều này chỉ đúng trong các Nhà nước trước đây chứ ở nước ta thì không đúng. Chị N đồng ý với anh K nhưng anh M nói thêm pháp luật bắt nguồn từ đời sống xã hội nên nó mang bản chất xã hội. Những ai dưới đây đã hiểu đúng về bản chất của pháp luật?

- A. Chị H và chị X.
- B. Anh K và chị N.
- C. Chị H, chị X và anh M.
- D. Anh K, anh M và chị N.

Câu 24: Sau khi lấy chị H, anh T bắt chị H phải nghỉ việc để ở nhà chăm sóc gia đình. Bà N, mẹ chồng chị H nói với anh T: Mọi việc chi tiêu, mua bán trong gia đình con đều toàn quyền quyết định vì vợ con chỉ ở nhà, không làm ra tiền. Ông P là bố anh T biết chuyện nhưng không tỏ thái độ gì. Trong trường hợp này, ai đã vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Anh T, ông P và bà N.
- B. Bà N và chị H.
- C. Ông P và chị H.
- D. Chị H, anh T và bà N.

Câu 25: Hành vi nào dưới đây thuộc vi phạm hình sự?

- A. Đánh người gây thương tích 10%.
- B. Vượt đèn đỏ.
- C. Người lao động bỏ việc không lí do.
- D. Cố ý lây truyền HIV cho người khác.

Câu 26: Để đi từ nhà đến trường, nếu đi tắt vào đường một chiều thì T rút ngắn được một quãng đường khá dài nhưng T không bao giờ vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Hành động của T là

- A. sử dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. tuân thủ pháp luật.

Câu 27: Anh M 37 tuổi, làm cán bộ ở UBND huyện X, trong thời gian nghỉ buổi trưa đã uống rượu ở nhà bạn, trên đường đến cơ quan đã lái xe ô tô với tốc độ rất nhanh nên anh đã tông vào anh P lái xe máy đi cùng chiều khiến anh P tử vong, xe máy bị hỏng nặng. Vậy anh M đã vi phạm những loại pháp luật nào dưới đây?

- A. Vi phạm hình sự, kỷ luật, hành chính.
- B. Vi phạm dân sự, hành chính.
- C. Vi phạm hành chính, hình sự, dân sự.
- D. Vi phạm hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật.

Câu 28: Trong suốt quá trình cách mạng của nước ta, Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc, tôn giáo và công tác dân tộc, tôn giáo là vấn đề

- A. quan trọng, cần giải quyết kịp thời.
- B. chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt.
- C. sách lược cần giải quyết ngay.
- D. đặc biệt quan trọng, giải quyết dứt điểm.

Câu 29: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất?

- A. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí xã hội.
- B. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lí nhân dân.
- C. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí công dân.
- D. Pháp luật là phương tiện hữu hiệu nhất để nhà nước quản lí xã hội.

Câu 30: Khi dịch Covid bùng phát, chị M đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình mua khẩu trang để tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Việc làm của chị M là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. sử dụng pháp luật.
- B. áp dụng pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. thi hành pháp luật.

----- HẾT -----

Câu 8: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Vi phạm pháp luật hình sự.
- B. Vi phạm pháp luật hành chính.
- C. Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Câu 9: Khi bàn về điểm giống nhau giữa pháp luật và đạo đức, bạn K cho rằng: “đạo đức và pháp luật đều là những quy tắc bắt buộc mọi người phải tuân theo”, bạn N cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi để hướng tới các giá trị xã hội”, bạn T cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên sức ép của dư luận xã hội”, bạn H lại cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên tính tự giác của bản thân. Theo em, quan điểm của bạn nào là đúng?”

- A. Bạn H.
- B. Bạn K.
- C. Bạn N.
- D. Bạn T.

Câu 10: Em và một số bạn trong lớp có giấy gọi đi khám nghĩa vụ quân sự, các bạn đã bàn với nhau rủ em trốn không đi hoặc nhờ gia đình hối lộ một số tiền với Ban chỉ huy quân sự của địa phương để không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trong trường hợp này em sẽ giải thích cho các bạn là các bạn không được làm thế và các bạn đã vi phạm pháp luật

- A. hành chính.
- B. nghĩa vụ quân sự.
- C. giáo dục.
- D. an ninh quốc gia.

Câu 11: Các cá nhân, tổ chức không làm những gì mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Thi hành pháp luật.
- C. Tuân thủ pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 12: Anh K là chủ một cơ sở sản xuất đã làm hồ sơ để thành lập công ty và lôi kéo chị Q góp vốn với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị. Sau khi nhận được 1 tỉ đồng góp vốn của chị Q, anh K bí mật đem theo toàn bộ số tiền đó bỏ trốn nên chị Q đã tố cáo toàn bộ sự việc này với cơ quan chức năng. Anh K phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. hình sự và kỉ luật.
- B. dân sự và hình sự.
- C. hình sự và hành chính.
- D. dân sự và hành chính.

Câu 13: Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, phù hợp với pháp luật và không bị phân biệt đối xử là thể hiện

- A. bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
- B. bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.
- C. bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.
- D. bình đẳng trong sử dụng lao động.

Câu 14: Người có năng lực trách nhiệm pháp lý phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối nhận di sản thừa kế.
- B. Tổ chức mua bán nội tạng người.
- C. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.
- D. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.

Câu 15: Cơ sở pháp lý để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động cụ thể là thể hiện.

- A. mục đích kí kết hợp đồng lao động.
- B. nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.
- C. nội dung của hợp đồng lao động.
- D. tính chất của hợp đồng lao động.

Câu 16: Các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước là biểu hiện bình đẳng về:

- A. Bình đẳng về văn hóa.
- B. Bình đẳng trước pháp luật.
- C. Bình đẳng về chính trị.
- D. Bình đẳng về giáo dục

Câu 17: Do tức giận chị N đã nói xấu mình với bà Q nên L (học sinh lớp 12) có ý định trả thù chị N. Thấy chị N đi chợ qua nhà L, L cùng chị gái là H chạy đuổi theo đến chợ. Khi chị N đang lom khom mua cá thì L đi đến dùng tay kẹp cổ chị N và kêu H vào hỗ trợ. Chị N không những bị đánh đập mà còn xé rách quần áo và dang lên mạng xã hội; sau đó chị N vùng dậy, chạy vào cửa hàng quần áo ở gần đó và được chủ cửa hàng cho mượn quần áo để mặc. Do mọi người can ngăn nên chị em L bỏ về. Hành vi của L và H là hành vi

- A. vi phạm pháp luật hành chính với hành vi gây rối nơi công cộng.
- B. vi phạm pháp luật hình sự với tội danh làm nhục người khác.
- C. vi phạm kỉ luật.
- D. vi phạm pháp luật dân sự.

Câu 18: Để xử lý người có hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của giai cấp cầm quyền, Nhà nước sẽ sử dụng quyền lực có tính cưỡng chế để buộc người vi phạm phải chấm dứt việc làm trái pháp luật. Kháng định này

- A. khái niệm pháp luật.
- B. đặc trưng của pháp luật.
- C. vai trò của pháp luật.
- D. bản chất của pháp luật.

Câu 19: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.
- B. Bình đẳng giữa các dân tộc.
- C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. Thực hiện pháp luật.

Câu 20: Ông G giám đốc bệnh viện X cùng chị H trưởng phòng tài vụ đặt mua hai máy chạy thận nhân tạo thể hệ mới nhất do anh P phân phối. Khi bàn giao, anh T kỹ thuật viên phát hiện số máy này không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã ký kết nên từ chối nhận và báo cáo toàn bộ sự việc với ông G. Sau đó, khi anh T đi công tác, theo chỉ đạo của ông G, chị H yêu cầu anh S là bảo vệ chuyên toàn bộ số máy này vào khoa cấp cứu của bệnh viện. Trong lần đầu tiên sử dụng máy chạy thận nhân tạo này đã có hai bệnh nhân tử vong. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lí

- A. Ông G, anh P và anh S.
- B. Chị H, ông G và anh P.
- C. Chị H, anh P, anh S và ông G.
- D. Ông G, anh P và anh T.

Câu 21: Theo quy định của pháp luật, người ở độ tuổi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra?

- A. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- B. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- C. Từ đủ 18 tuổi trở lên.
- D. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Câu 22: Chị S muốn đi học để nâng cao trình độ nhưng chồng chị không cho đi vì cho rằng phụ nữ nên dành nhiều thời gian để chăm con và lo cho gia đình. Hành vi của chồng chị S đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về

- A. giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.
- B. tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
- C. việc tham gia các hoạt động chính trị xã hội.
- D. quyền được học tập, lao động cống hiến cho xã hội.

Câu 23: Sau khi lấy chị H, anh T bắt chị H phải nghỉ việc để ở nhà chăm sóc gia đình. Bà N, mẹ chồng chị H nói với anh T: Mọi việc chi tiêu, mua bán trong gia đình con đều toàn quyền quyết định vì vợ con chỉ ở nhà, không làm ra tiền. Ông P là bố anh T biết chuyện nhưng không tỏ thái độ gì. Trong trường hợp này, ai đã vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Anh T, ông P và bà N.
- B. Bà N và chị H.
- C. Ông P và chị H.
- D. Chị H, anh T và bà N.

Câu 24: Hành vi nào dưới đây thuộc vi phạm hình sự?

- A. Đánh người gây thương tích 10%.
- B. Vượt đèn đỏ.
- C. Người lao động bỏ việc không lí do.
- D. Cố ý lây truyền HIV cho người khác.

Câu 25: Để đi từ nhà đến trường, nếu đi tắt vào đường một chiều thì T rút ngắn được một quãng đường khá dài nhưng T không bao giờ vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Hành động của T là

- A. sử dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. tuân thủ pháp luật.

Câu 26: Anh T là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh Q là cán bộ chức năng và đề nghị anh Q bỏ qua việc anh T đã không đăng kí giấy phép kinh doanh theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Q đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh T. Trong tình huống trên, anh T đã vi phạm hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 27: Trong suốt quá trình cách mạng của nước ta, Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc, tôn giáo và công tác dân tộc, tôn giáo là vấn đề

- A. quan trọng, cần giải quyết kịp thời.
- B. chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt.
- C. sách lược cần giải quyết ngay.
- D. đặc biệt quan trọng, giải quyết dứt điểm.

Câu 28: Khi dịch Covid bùng phát, chị M đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình mua khẩu trang để tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Việc làm của chị M là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. thi hành pháp luật.
- B. áp dụng pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 29: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất?

- A. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí xã hội.
- B. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lí nhân dân.
- C. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí công dân.
- D. Pháp luật là phương tiện hữu hiệu nhất để nhà nước quản lí xã hội.

Câu 30: Công dân thực hiện hành vi nào sau đây là tuân thủ pháp luật?

- A. Chiếm đoạt tài sản công cộng.
- B. Chống người thi hành công vụ.
- C. Từ chối che dấu tội phạm.
- D. Đội mũ bảo hiểm điều khiển xe máy khi tham gia giao thông.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1: Để đi từ nhà đến trường, nếu đi tắt vào đường một chiều thì T rút ngắn được một quãng đường khá dài nhưng T không bao giờ vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Hành động của T là

- A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật.
C. áp dụng pháp luật. D. tuân thủ pháp luật.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, người ở độ tuổi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra?

- A. Từ đủ 16 tuổi trở lên. B. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
C. Từ đủ 18 tuổi trở lên. D. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Câu 3: Ông G giám đốc bệnh viện X cùng chị H trưởng phòng tài vụ đặt mua hai máy chạy thận nhân tạo thế hệ mới nhất do anh P phân phối. Khi bàn giao, anh T kỹ thuật viên phát hiện số máy này không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã ký kết nên từ chối nhận và báo cáo toàn bộ sự việc với ông G. Sau đó, khi anh T đi công tác, theo chỉ đạo của ông G, chị H yêu cầu anh S là bảo vệ chuyển toàn bộ số máy này vào khoa cấp cứu của bệnh viện. Trong lần đầu tiên sử dụng máy chạy thận nhân tạo này đã có hai bệnh nhân tử vong. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. Ông G, anh P và anh S. B. Chị H, ông G và anh P.
C. Chị H, anh P, anh S và ông G. D. Ông G, anh P và anh T.

Câu 4: Hành vi nào dưới đây thuộc vi phạm hình sự?

- A. Đánh người gây thương tích 10%. B. Vượt đèn đỏ.
C. Người lao động bỏ việc không lí do. D. Cố ý lây truyền HIV cho người khác.

Câu 5: Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, phù hợp với pháp luật và không bị phân biệt đối xử là thể hiện

- A. bình đẳng trong sử dụng lao động.
B. bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.
C. bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
D. bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.

Câu 6: Anh T là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh Q là cán bộ chức năng và đề nghị anh Q bỏ qua việc anh T đã không đăng kí giấy phép kinh doanh theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Q đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh T. Trong tình huống trên, anh T đã vi phạm hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Tuân thủ pháp luật. B. Áp dụng pháp luật.
C. Thi hành pháp luật. D. Sử dụng pháp luật.

Câu 7: Cơ sở pháp lý để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động cụ thể là thể hiện

- A. mục đích kí kết hợp đồng lao động. B. tính chất của hợp đồng lao động.
C. nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động. D. nội dung của hợp đồng lao động.

Câu 8: Để xử lí người có hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của giai cấp cầm quyền, Nhà nước sẽ sử dụng quyền lực có tính cưỡng chế để buộc người vi phạm phải chấm dứt việc làm trái pháp luật. Kháng định này

- A. khái niệm pháp luật. B. đặc trưng của pháp luật.
C. bản chất của pháp luật. D. vai trò của pháp luật.

Câu 9: Em và một số bạn trong lớp có giấy gọi đi khám nghĩa vụ quân sự, các bạn đã bàn với nhau rủ em trốn không đi hoặc nhờ gia đình hối lộ một số tiền với Ban chỉ huy quân sự của địa phương để không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trong trường hợp này em sẽ giải thích cho các bạn là các bạn không được làm thế và các bạn đã vi phạm pháp luật

- A. hành chính.
- B. giáo dục.
- C. nghĩa vụ quân sự.
- D. an ninh quốc gia.

Câu 10: Anh P và anh S cùng nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh mặt hàng điện tử. Vì còn nhiều giấy tờ không hợp lệ, anh S đã hối lộ năm mươi triệu đồng nhờ ông H lãnh đạo cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ của mình. Ngay lập tức ông H yêu cầu anh T nhân viên dưới quyền của mình làm giấy tờ rồi chính ông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho anh S và trực tiếp loại hồ sơ của anh P. Thấy hồ sơ của mình hợp lệ nhưng bị loại, anh P làm đơn tố cáo gửi tới các cơ quan chức năng. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự chủ đăng ký kinh doanh?

- A. Anh S và anh T.
- B. Ông H và anh T.
- C. Ông H và anh P.
- D. Anh S và ông H.

Câu 11: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Phòng chống tội phạm.
- B. Vi phạm pháp luật.
- C. Thực hiện pháp luật.
- D. Trách nhiệm pháp lí.

Câu 12: Khi nói về bản chất của pháp luật, anh K khẳng định pháp luật luôn thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền mà Nhà nước là đại diện. Nhưng chị H và chị X đều phản đối vì cho rằng điều này chỉ đúng trong các Nhà nước trước đây chứ ở nước ta thì không đúng. Chị N đồng ý với anh K nhưng anh M nói thêm pháp luật bắt nguồn từ đời sống xã hội nên nó mang bản chất xã hội. Những ai dưới đây đã hiểu đúng về bản chất của pháp luật?

- A. Anh K và chị N.
- B. Anh K, anh M và chị N.
- C. Chị H, chị X và anh M.
- D. Chị H và chị X.

Câu 13: Người có năng lực trách nhiệm pháp lí phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối nhận di sản thừa kế.
- B. Tổ chức mua bán nội tạng người.
- C. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.
- D. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.

Câu 14: Sau khi lấy chị H, anh T bắt chị H phải nghỉ việc để ở nhà chăm sóc gia đình. Bà N, mẹ chồng chị H nói với anh T: Mọi việc chi tiêu, mua bán trong gia đình con đều toàn quyền quyết định vì vợ con chỉ ở nhà, không làm ra tiền. Ông P là bố anh T biết chuyện nhưng không tỏ thái độ gì. Trong trường hợp này, ai đã vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Anh T, ông P và bà N.
- B. Bà N và chị H.
- C. Ông P và chị H.
- D. Chị H, anh T và bà N.

Câu 15: Anh K là chủ một cơ sở sản xuất đã làm hồ sơ để thành lập công ty và lôi kéo chị Q góp vốn với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị. Sau khi nhận được 1 tỉ đồng góp vốn của chị Q, anh K bí mật đem theo toàn bộ số tiền đó bỏ trốn nên chị Q đã tố cáo toàn bộ sự việc này với cơ quan chức năng. Anh K phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. hình sự và hành chính.
- B. dân sự và hành chính.
- C. dân sự và hình sự.
- D. hình sự và kỉ luật.

Câu 16: Do tức giận chị N đã nói xấu mình với bà Q nên L (học sinh lớp 12) có ý định trả thù chị N. Thấy chị N đi chợ qua nhà L, L cùng chị gái là H chạy đuổi theo đến chợ. Khi chị N đang lom khom mua cá thì L đi đến dùng tay kẹp cổ chị N và kêu H vào hỗ trợ. Chị N không những bị đánh đập mà còn xé rách quần áo và đăng lên mạng xã hội; sau đó chị N vùng dậy, chạy vào cửa hàng quần áo ở gần đó và được chủ cửa hàng cho mượn quần áo để mặc. Do mọi người can ngăn nên chị em L bỏ về. Hành vi của L và H là hành vi

- A. vi phạm pháp luật hành chính với hành vi gây rối nơi công cộng.
- B. vi phạm pháp luật hình sự với tội danh làm nhục người khác.
- C. vi phạm kỉ luật.
- D. vi phạm pháp luật dân sự.

Câu 26: Công dân thực hiện hành vi nào sau đây là tuân thủ pháp luật?

- A. Chống người thi hành công vụ.
- B. Chiếm đoạt tài sản công cộng.
- C. Từ chối che dấu tội phạm.
- D. Đội mũ bảo hiểm điều khiển xe máy khi tham gia giao thông.

Câu 27: Khi dịch Covid bùng phát, chị M đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình mua khẩu trang để tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Việc làm của chị M là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. thi hành pháp luật.
- B. áp dụng pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 28: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm pháp luật hành chính.
- C. Vi phạm pháp luật hình sự.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Câu 29: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.
- B. Bình đẳng giữa các dân tộc.
- C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. Thực hiện pháp luật.

Câu 30: Các cá nhân, tổ chức không làm những gì mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Phòng chống tội phạm. B. Thực hiện pháp luật.
C. Vi phạm pháp luật. D. Trách nhiệm pháp lí.

Câu 2: Khi nói về bản chất của pháp luật, anh K khẳng định pháp luật luôn thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền mà Nhà nước là đại diện. Nhưng chị H và chị X đều phản đối vì cho rằng điều này chỉ đúng trong các Nhà nước trước đây chứ ở nước ta thì không đúng. Chị N đồng ý với anh K nhưng anh M nói thêm pháp luật bắt nguồn từ đời sống xã hội nên nó mang bản chất xã hội. Những ai dưới đây đã hiểu đúng về bản chất của pháp luật?

- A. Anh K và chị N. B. Anh K, anh M và chị N.
C. Chị H, chị X và anh M. D. Chị H và chị X.

Câu 3: Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, phù hợp với pháp luật và không bị phân biệt đối xử là thể hiện

- A. bình đẳng trong sử dụng lao động.
B. bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.
C. bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
D. bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, người ở độ tuổi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra?

- A. Từ đủ 18 tuổi trở lên. B. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
C. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi. D. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

Câu 5: Để xử lí người có hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của giai cấp cầm quyền, Nhà nước sẽ sử dụng quyền lực có tính cưỡng chế để buộc người vi phạm phải chấm dứt việc làm trái pháp luật. Khẳng định này

- A. đặc trưng của pháp luật. B. khái niệm pháp luật.
C. bản chất của pháp luật. D. vai trò của pháp luật.

Câu 6: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí. B. Bình đẳng giữa các dân tộc.
C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. D. Thực hiện pháp luật.

Câu 7: Để đi từ nhà đến trường, nếu đi tắt vào đường một chiều thì T rút ngắn được một quãng đường khá dài nhưng T không bao giờ vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Hành động của T là

- A. tuân thủ pháp luật. B. thi hành pháp luật.
C. sử dụng pháp luật. D. áp dụng pháp luật.

Câu 8: Người có năng lực trách nhiệm pháp lí phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối nhận di sản thừa kế. B. Tổ chức mua bán nội tạng người.
C. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh. D. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.

Câu 9: Do tức giận chị N đã nói xấu mình với bà Q nên L (học sinh lớp 12) có ý định trả thù chị N. Thấy chị N đi chợ qua nhà L, L cùng chị gái là H chạy đuổi theo đến chợ. Khi chị N đang lom khom mua cá thì L đi đến dùng tay kẹp cổ chị N và kêu H vào hỗ trợ. Chị N không những bị đánh đập mà còn xé rách quần áo và đăng lên mạng xã hội; sau đó chị N vùng dậy, chạy vào cửa hàng quần áo ở gần đó và được chủ cửa

hàng cho mượn quần áo để mặc. Do mọi người can ngăn nên chị em L bỏ về. Hành vi của L và H là hành vi

- A. vi phạm pháp luật hành chính với hành vi gây rối nơi công cộng.
- B. vi phạm pháp luật hình sự với tội danh làm nhục người khác.
- C. vi phạm kỉ luật.
- D. vi phạm pháp luật dân sự.

Câu 10: Anh M 37 tuổi, làm cán bộ ở UBND huyện X, trong thời gian nghỉ buổi trưa đã uống rượu ở nhà bạn, trên đường đến cơ quan đã lái xe ô tô với tốc độ rất nhanh nên anh đã tông vào anh P lái xe máy đi cùng chiều khiến anh P tử vong, xe máy bị hỏng nặng. Vậy anh M đã vi phạm những loại pháp luật nào dưới đây?

- A. Vi phạm hành chính, hình sự, dân sự.
- B. Vi phạm dân sự, hành chính.
- C. Vi phạm hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật.
- D. Vi phạm hình sự, kỷ luật, hành chính.

Câu 11: Nội dung nào sau đây **không** thuộc nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
- B. Mọi doanh nghiệp có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh theo quy định pháp luật.
- C. Mọi doanh nghiệp được vay vốn của nhà nước để phát triển lâu dài.
- D. Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình kinh doanh.

Câu 12: Anh M là thủ quỹ của một cơ quan Nhà nước. Trong quá trình làm việc anh M nảy sinh lòng tham và thông đồng với anh T kế toán trưởng, chiếm đoạt một số tiền của cơ quan để tiêu xài cá nhân. Anh Y là kế toán viên, phát hiện ra việc làm trên của anh M và anh T nên đã báo cho giám đốc Q. Giám đốc Q do có quan hệ họ hàng với anh M nên đã làm ngơ và bỏ qua. Những ai sau đây phải chịu trách nhiệm kỷ luật ?

- A. Anh M, T, Y, Q.
- B. Anh M, T, Q.
- C. Anh Y, M, Q.
- D. Anh Y, M, T.

Câu 13: Em và một số bạn trong lớp có giấy gọi đi khám nghĩa vụ quân sự, các bạn đã bàn với nhau rủ em trốn không đi hoặc nhờ gia đình hối lộ một số tiền với Ban chỉ huy quân sự của địa phương để không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trong trường hợp này em sẽ giải thích cho các bạn là các bạn không được làm thế và các bạn đã vi phạm pháp luật

- A. giáo dục.
- B. nghĩa vụ quân sự.
- C. hành chính.
- D. an ninh quốc gia.

Câu 14: Anh K là chủ một cơ sở sản xuất đã làm hồ sơ để thành lập công ty và lôi kéo chị Q góp vốn với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị. Sau khi nhận được 1 tỉ đồng góp vốn của chị Q, anh K bí mật đem theo toàn bộ số tiền đó bỏ trốn nên chị Q đã tố cáo toàn bộ sự việc này với cơ quan chức năng. Anh K phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. hình sự và hành chính.
- B. dân sự và hành chính.
- C. dân sự và hình sự.
- D. hình sự và kỉ luật.

Câu 15: Các cá nhân, tổ chức không làm những gì mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 16: Hành vi nào dưới đây thuộc vi phạm hình sự?

- A. Vượt đèn đỏ.
- B. Người lao động bỏ việc không lí do.
- C. Đánh người gây thương tích 10%.
- D. Cố ý lây truyền HIV cho người khác.

Câu 17: Khi bàn về điểm giống nhau giữa pháp luật và đạo đức, bạn K cho rằng: “đạo đức và pháp luật đều là những quy tắc bắt buộc mọi người phải tuân theo”, bạn N cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi để hướng tới các giá trị xã hội”, bạn T cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên sức ép của dư luận xã hội”, bạn H lại cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên tính tự giác của bản thân. Theo em, quan điểm của bạn nào là đúng?

- A. Bạn H.
- B. Bạn N.
- C. Bạn T.
- D. Bạn K.

Câu 18: Các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước là biểu hiện bình đẳng về:

- A. Bình đẳng về giáo dục
- B. Bình đẳng trước pháp luật.
- C. Bình đẳng về văn hóa.
- D. Bình đẳng về chính trị.

Câu 19: Anh P và anh S cùng nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh mặt hàng điện tử. Vì còn nhiều giấy tờ không hợp lệ, anh S đã hối lộ năm mươi triệu đồng nhờ ông H lãnh đạo cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ của mình. Ngay lập tức ông H yêu cầu anh T nhân viên dưới quyền của mình làm giấy tờ rồi chính ông cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh cho anh S và trực tiếp loại hồ sơ của anh P. Thấy hồ sơ của mình hợp lệ nhưng bị loại, anh P làm đơn tố cáo gửi tới các cơ quan chức năng. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự chủ đăng ký kinh doanh?

- A. Ông H và anh T.
- B. Anh S và anh T.
- C. Ông H và anh P.
- D. Anh S và ông H.

Câu 20: Chị S muốn đi học để nâng cao trình độ nhưng chồng chị không cho đi vì cho rằng phụ nữ nên dành nhiều thời gian để chăm con và lo cho gia đình. Hành vi của chồng chị S đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về

- A. giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.
- B. tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
- C. việc tham gia các hoạt động chính trị xã hội.
- D. quyền được học tập, lao động cống hiến cho xã hội.

Câu 21: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất?

- A. Pháp luật là phương tiện hữu hiệu nhất để nhà nước quản lí xã hội.
- B. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí xã hội.
- C. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí công dân.
- D. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lí nhân dân.

Câu 22: Ông G giám đốc bệnh viện X cùng chị H trưởng phòng tài vụ đặt mua hai máy chạy thận nhân tạo thế hệ mới nhất do anh P phân phối. Khi bàn giao, anh T kỹ thuật viên phát hiện số máy này không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã ký kết nên từ chối nhận và báo cáo toàn bộ sự việc với ông G. Sau đó, khi anh T đi công tác, theo chỉ đạo của ông G, chị H yêu cầu anh S là bảo vệ chuyển toàn bộ số máy này vào khoa cấp cứu của bệnh viện. Trong lần đầu tiên sử dụng máy chạy thận nhân tạo này đã có hai bệnh nhân tử vong. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lí

- A. Ông G, anh P và anh S.
- B. Ông G, anh P và anh T.
- C. Chị H, ông G và anh P.
- D. Chị H, anh P, anh S và ông G.

Câu 23: Cơ sở pháp lý để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động cụ thể là thể hiện.

- A. mục đích kí kết hợp đồng lao động.
- B. tính chất của hợp đồng lao động.
- C. nội dung của hợp đồng lao động.
- D. nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.

Câu 24: Sau khi lấy chị H, anh T bắt chị H phải nghỉ việc để ở nhà chăm sóc gia đình. Bà N, mẹ chồng chị H nói với anh T: Mọi việc chi tiêu, mua bán trong gia đình con đều toàn quyền quyết định vì vợ con chỉ ở nhà, không làm ra tiền. Ông P là bố anh T biết chuyện nhưng không tỏ thái độ gì. Trong trường hợp này, ai đã vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Anh T, ông P và bà N.
- B. Bà N và chị H.
- C. Chị H, anh T và bà N.
- D. Ông P và chị H.

Câu 25: Công dân thực hiện hành vi nào sau đây là tuân thủ pháp luật?

- A. Từ chối che dấu tội phạm.
- B. Chiếm đoạt tài sản công cộng.
- C. Chống người thi hành công vụ.
- D. Đội mũ bảo hiểm điều khiển xe máy khi tham gia giao thông.

Câu 26: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm pháp luật hành chính.
- C. Vi phạm pháp luật hình sự.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Câu 27: Trong suốt quá trình cách mạng của nước ta, Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc, tôn giáo và công tác dân tộc, tôn giáo là vấn đề

- A. chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt.
- B. đặc biệt quan trọng, giải quyết dứt điểm.
- C. sách lược cần giải quyết ngay.
- D. quan trọng, cần giải quyết kịp thời.

Câu 28: Anh T là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh Q là cán bộ chức năng và đề nghị anh Q bỏ qua việc anh T đã không đăng kí giấy phép kinh doanh theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Q đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh T. Trong tình huống trên, anh T đã vi phạm hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 29: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình làm những gì pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Thi hành pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 30: Khi dịch Covid bùng phát, chị M đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình mua khẩu trang để tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Việc làm của chị M là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. tuân thủ pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

----- HẾT -----

Câu 8: Anh M là thủ quỹ của một cơ quan Nhà nước. Trong quá trình làm việc anh M nảy sinh lòng tham và thông đồng với anh T kế toán trưởng, chiếm đoạt một số tiền của cơ quan để tiêu xài cá nhân. Anh Y là kế toán viên, phát hiện ra việc làm trên của anh M và anh T nên đã báo cho giám đốc Q. Giám đốc Q do có quan hệ họ hàng với anh M nên đã làm ngơ và bỏ qua. Những ai sau đây phải chịu trách nhiệm kỷ luật ?

- A. Anh M, T, Y, Q.
- B. Anh M, T, Q.
- C. Anh Y, M, Q.
- D. Anh Y, M, T.

Câu 9: Anh K là chủ một cơ sở sản xuất đã làm hồ sơ để thành lập công ty và lôi kéo chị Q góp vốn với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị. Sau khi nhận được 1 tỉ đồng góp vốn của chị Q, anh K bí mật đem theo toàn bộ số tiền đó bỏ trốn nên chị Q đã tố cáo toàn bộ sự việc này với cơ quan chức năng. Anh K phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. dân sự và hành chính.
- B. hình sự và hành chính.
- C. dân sự và hình sự.
- D. hình sự và kỉ luật.

Câu 10: Nội dung nào sau đây **không** thuộc nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
- B. Mọi doanh nghiệp được vay vốn của nhà nước để phát triển lâu dài.
- C. Mọi doanh nghiệp có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh theo quy định pháp luật.
- D. Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình kinh doanh.

Câu 11: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Thực hiện pháp luật.
- B. Bình đẳng giữa các dân tộc.
- C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

Câu 12: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm pháp luật hành chính.
- C. Vi phạm pháp luật hình sự.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Câu 13: Người có năng lực trách nhiệm pháp lí phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.
- B. Từ chối nhận di sản thừa kế.
- C. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.
- D. Tổ chức mua bán nội tạng người.

Câu 14: Cơ sở pháp lý để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động cụ thể là thể hiện.

- A. nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.
- B. nội dung của hợp đồng lao động.
- C. tính chất của hợp đồng lao động.
- D. mục đích kí kết hợp đồng lao động.

Câu 15: Khi bàn về điểm giống nhau giữa pháp luật và đạo đức, bạn K cho rằng: “đạo đức và pháp luật đều là những quy tắc bắt buộc mọi người phải tuân theo”, bạn N cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi để hướng tới các giá trị xã hội”, bạn T cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên sức ép của dư luận xã hội”, bạn H lại cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên tính tự giác của bản thân. Theo em, quan điểm của bạn nào là đúng?

- A. Bạn K.
- B. Bạn T.
- C. Bạn H.
- D. Bạn N.

Câu 16: Để đi từ nhà đến trường, nếu đi tắt vào đường một chiều thì T rút ngắn được một quãng đường khá dài nhưng T không bao giờ vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Hành động của T là

- A. tuân thủ pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 17: Các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước là biểu hiện bình đẳng về:

- A. Bình đẳng về giáo dục.
- B. Bình đẳng trước pháp luật.
- C. Bình đẳng về văn hóa.
- D. Bình đẳng về chính trị.

Câu 18: Anh P và anh S cùng nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh mặt hàng điện tử. Vì còn nhiều giấy tờ không hợp lệ, anh S đã hối lộ năm mươi triệu đồng nhờ ông H lãnh đạo cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ của mình. Ngay lập tức ông H yêu cầu anh T nhân viên dưới quyền của mình làm giấy tờ rồi chính ông cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh cho anh S và trực tiếp loại hồ sơ của anh P. Thấy hồ sơ của mình hợp

lệ nhưng bị loại, anh P làm đơn tố cáo gửi tới các cơ quan chức năng. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự chủ đăng ký kinh doanh?

- A. Ông H và anh T.
- B. Anh S và anh T.
- C. Ông H và anh P.
- D. Anh S và ông H.

Câu 19: Các cá nhân, tổ chức không làm những gì mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 20: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất?

- A. Pháp luật là phương tiện hữu hiệu nhất để nhà nước quản lý xã hội.
- B. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lý xã hội.
- C. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lý công dân.
- D. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý nhân dân.

Câu 21: Ông G giám đốc bệnh viện X cùng chị H trưởng phòng tài vụ đặt mua hai máy chạy thận nhân tạo thế hệ mới nhất do anh P phân phối. Khi bàn giao, anh T kỹ thuật viên phát hiện số máy này không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã ký kết nên từ chối nhận và báo cáo toàn bộ sự việc với ông G. Sau đó, khi anh T đi công tác, theo chỉ đạo của ông G, chị H yêu cầu anh S là bảo vệ chuyển toàn bộ số máy này vào khoa cấp cứu của bệnh viện. Trong lần đầu tiên sử dụng máy chạy thận nhân tạo này đã có hai bệnh nhân tử vong. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. Ông G, anh P và anh S.
- B. Ông G, anh P và anh T.
- C. Chị H, ông G và anh P.
- D. Chị H, anh P, anh S và ông G.

Câu 22: Do tức giận chị N đã nói xấu mình với bà Q nên L (học sinh lớp 12) có ý định trả thù chị N. Thấy chị N đi chợ qua nhà L, L cùng chị gái là H chạy đuổi theo đến chợ. Khi chị N đang lom khom mua cá thì L đi đến dùng tay kẹp cổ chị N và kêu H vào hỗ trợ. Chị N không những bị đánh đập mà còn xé rách quần áo và dăng lên mạng xã hội; sau đó chị N vùng dậy, chạy vào cửa hàng quần áo ở gần đó và được chủ cửa hàng cho mượn quần áo để mặc. Do mọi người can ngăn nên chị em L bỏ về. Hành vi của L và H là hành vi

- A. vi phạm pháp luật hành chính với hành vi gây rối nơi công cộng.
- B. vi phạm kỉ luật.
- C. vi phạm pháp luật dân sự.
- D. vi phạm pháp luật hình sự với tội danh làm nhục người khác.

Câu 23: Anh T là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh Q là cán bộ chức năng và đề nghị anh Q bỏ qua việc anh T đã không đăng kí giấy phép kinh doanh theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Q đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh T. Trong tình huống trên, anh T đã vi phạm hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 24: Hành vi nào dưới đây thuộc vi phạm hình sự?

- A. Đánh người gây thương tích 10%.
- B. Vượt đèn đỏ.
- C. Cố ý lây truyền HIV cho người khác.
- D. Người lao động bỏ việc không lí do.

Câu 25: Khi dịch Covid bùng phát, chị M đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình mua khẩu trang để tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Việc làm của chị M là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. thi hành pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 26: Trong suốt quá trình cách mạng của nước ta, Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc, tôn giáo và công tác dân tộc, tôn giáo là vấn đề

- A. chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt.
- B. đặc biệt quan trọng, giải quyết dứt điểm.
- C. sách lược cần giải quyết ngay.
- D. quan trọng, cần giải quyết kịp thời.

Câu 27: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là nội dung khái niệm nào sau đây?

A. Phòng chống tội phạm.

B. Trách nhiệm pháp lí.

C. Vi phạm pháp luật.

D. Thực hiện pháp luật.

Câu 28: Em và một số bạn trong lớp có giấy gọi đi khám nghĩa vụ quân sự, các bạn đã bàn với nhau rủ em trốn không đi hoặc nhờ gia đình hối lộ một số tiền với Ban chỉ huy quân sự của địa phương để không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trong trường hợp này em sẽ giải thích cho các bạn là các bạn không được làm thế và các bạn đã vi phạm pháp luật

A. nghĩa vụ quân sự.

B. giáo dục.

C. an ninh quốc gia.

D. hành chính.

Câu 29: Để xử lí người có hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của giai cấp cầm quyền, Nhà nước sẽ sử dụng quyền lực có tính cưỡng chế để buộc người vi phạm phải chấm dứt việc làm trái pháp luật. Kháng định này

A. đặc trưng của pháp luật.

B. khái niệm pháp luật.

C. bản chất của pháp luật.

D. vai trò của pháp luật.

Câu 30: Theo quy định của pháp luật, người ở độ tuổi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra?

A. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

B. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

D. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

----- HẾT -----

khoa cấp cứu của bệnh viện. Trong lần đầu tiên sử dụng máy chạy thận nhân tạo này đã có hai bệnh nhân tử vong. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. Chị H, ông G và anh P.
- B. Chị H, anh P, anh S và ông G.
- C. Ông G, anh P và anh S.
- D. Ông G, anh P và anh T.

Câu 8: Anh P và anh S cùng nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh mặt hàng điện tử. Vì còn nhiều giấy tờ không hợp lệ, anh S đã hối lộ năm mươi triệu đồng nhờ ông H lãnh đạo cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ của mình. Ngay lập tức ông H yêu cầu anh T nhân viên dưới quyền của mình làm giấy tờ rồi chính ông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho anh S và trực tiếp loại hồ sơ của anh P. Thấy hồ sơ của mình hợp lệ nhưng bị loại, anh P làm đơn tố cáo gửi tới các cơ quan chức năng. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự chủ đăng ký kinh doanh?

- A. Anh S và anh T.
- B. Anh S và ông H.
- C. Ông H và anh P.
- D. Ông H và anh T.

Câu 9: Cơ sở pháp lý để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động cụ thể là thể hiện.

- A. nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.
- B. nội dung của hợp đồng lao động.
- C. tính chất của hợp đồng lao động.
- D. mục đích ký kết hợp đồng lao động.

Câu 10: Anh M 37 tuổi, làm cán bộ ở UBND huyện X, trong thời gian nghỉ buổi trưa đã uống rượu ở nhà bạn, trên đường đến cơ quan đã lái xe ô tô với tốc độ rất nhanh nên anh đã tông vào anh P lái xe máy đi cùng chiều khiến anh P tử vong, xe máy bị hỏng nặng. Vậy anh M đã vi phạm những loại pháp luật nào dưới đây?

- A. Vi phạm hình sự, kỷ luật, hành chính.
- B. Vi phạm dân sự, hành chính.
- C. Vi phạm hành chính, hình sự, dân sự.
- D. Vi phạm hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật.

Câu 11: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm pháp luật hành chính.
- C. Vi phạm pháp luật hình sự.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Câu 12: Nội dung nào sau đây **không** thuộc nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
- B. Mọi doanh nghiệp được vay vốn của nhà nước để phát triển lâu dài.
- C. Mọi doanh nghiệp có quyền tự chủ đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.
- D. Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình kinh doanh.

Câu 13: Khi dịch Covid bùng phát, chị M đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình mua khẩu trang để tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Việc làm của chị M là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. thi hành pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 14: Công dân thực hiện hành vi nào sau đây là tuân thủ pháp luật?

- A. Từ chối che dấu tội phạm.
- B. Đội mũ bảo hiểm điều khiển xe máy khi tham gia giao thông.
- C. Chống người thi hành công vụ.
- D. Chiếm đoạt tài sản công cộng.

Câu 15: Để đi từ nhà đến trường, nếu đi tắt vào đường một chiều thì T rút ngắn được một quãng đường khá dài nhưng T không bao giờ vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Hành động của T là

- A. tuân thủ pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 16: Các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước là biểu hiện bình đẳng về:

- A. Bình đẳng về giáo dục.
- B. Bình đẳng về chính trị.
- C. Bình đẳng về văn hóa.
- D. Bình đẳng trước pháp luật.

Câu 17: Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, phù hợp với pháp luật và không bị phân biệt đối xử là thể hiện

- A. bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.
- B. bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.
- C. bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
- D. bình đẳng trong sử dụng lao động.

Câu 18: Chị S muốn đi học để nâng cao trình độ nhưng chồng chị không cho đi vì cho rằng phụ nữ nên dành nhiều thời gian để chăm con và lo cho gia đình. Hành vi của chồng chị S đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về

- A. việc tham gia các hoạt động chính trị xã hội.
- B. tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
- C. giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.
- D. quyền được học tập, lao động công hiến cho xã hội.

Câu 19: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất?

- A. Pháp luật là phương tiện hữu hiệu nhất để nhà nước quản lý xã hội.
- B. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lý xã hội.
- C. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lý công dân.
- D. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lý nhân dân.

Câu 20: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Thực hiện pháp luật.
- B. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.
- C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. Bình đẳng giữa các dân tộc.

Câu 21: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình làm những gì pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 22: Anh T là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh Q là cán bộ chức năng và đề nghị anh Q bỏ qua việc anh T đã không đăng kí giấy phép kinh doanh theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Q đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh T. Trong tình huống trên, anh T đã vi phạm hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 23: Hành vi nào dưới đây thuộc vi phạm hình sự?

- A. Đánh người gây thương tích 10%.
- B. Vượt đèn đỏ.
- C. Có ý lây truyền HIV cho người khác.
- D. Người lao động bỏ việc không lí do.

Câu 24: Trong suốt quá trình cách mạng của nước ta, Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc, tôn giáo và công tác dân tộc, tôn giáo là vấn đề

- A. sách lược cần giải quyết ngay.
- B. chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt.
- C. quan trọng, cần giải quyết kịp thời.
- D. đặc biệt quan trọng, giải quyết dứt điểm.

Câu 25: Sau khi lấy chị H, anh T bắt chị H phải nghỉ việc để ở nhà chăm sóc gia đình. Bà N, mẹ chồng chị H nói với anh T: Mọi việc chi tiêu, mua bán trong gia đình con đều toàn quyền quyết định vì vợ con chỉ ở nhà, không làm ra tiền. Ông P là bố anh T biết chuyện nhưng không tỏ thái độ gì. Trong trường hợp này, ai đã vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Chị H, anh T và bà N.
- B. Ông P và chị H.
- C. Anh T, ông P và bà N.
- D. Bà N và chị H.

Câu 26: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Phòng chống tội phạm.
- B. Trách nhiệm pháp lí.
- C. Vi phạm pháp luật.
- D. Thực hiện pháp luật.

Câu 27: Theo quy định của pháp luật, người ở độ tuổi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra?

A. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

B. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

C. Từ đủ 16 tuổi trở lên.

D. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Câu 28: Để xử lí người có hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của giai cấp cầm quyền, Nhà nước sẽ sử dụng quyền lực có tính cưỡng chế để buộc người vi phạm phải chấm dứt việc làm trái pháp luật. Khẳng định này

A. đặc trưng của pháp luật.

B. khái niệm pháp luật.

C. bản chất của pháp luật.

D. vai trò của pháp luật.

Câu 29: Khi bàn về điểm giống nhau giữa pháp luật và đạo đức, bạn K cho rằng: “đạo đức và pháp luật đều là những quy tắc bắt buộc mọi người phải tuân theo”, bạn N cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi để hướng tới các giá trị xã hội”, bạn T cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên sức ép của dư luận xã hội”, bạn H lại cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên tính tự giác của bản thân. Theo em, quan điểm của bạn nào là đúng?

A. Bạn T.

B. Bạn H.

C. Bạn N.

D. Bạn K.

Câu 30: Người có năng lực trách nhiệm pháp lí phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.

B. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.

C. Tổ chức mua bán nội tạng người.

D. Từ chối nhận di sản thừa kế.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1: Do tức giận chị N đã nói xấu mình với bà Q nên L (học sinh lớp 12) có ý định trả thù chị N. Thấy chị N đi chợ qua nhà L, L cùng chị gái là H chạy đuổi theo đến chợ. Khi chị N đang lom khom mua cá thì L đi đến dùng tay kẹp cổ chị N và kêu H vào hỗ trợ. Chị N không những bị đánh đập mà còn xé rách quần áo và dăng lên mạng xã hội; sau đó chị N vùng dậy, chạy vào cửa hàng quần áo ở gần đó và được chủ cửa hàng cho mượn quần áo để mặc. Do mọi người can ngăn nên chị em L bỏ về. Hành vi của L và H là hành vi

- A. vi phạm pháp luật hành chính với hành vi gây rối nơi công cộng.
- B. vi phạm kỉ luật.
- C. vi phạm pháp luật dân sự.
- D. vi phạm pháp luật hình sự với tội danh làm nhục người khác.

Câu 2: Anh M 37 tuổi, làm cán bộ ở UBND huyện X, trong thời gian nghỉ buổi trưa đã uống rượu ở nhà bạn, trên đường đến cơ quan đã lái xe ô tô với tốc độ rất nhanh nên anh đã tông vào anh P lái xe máy đi cùng chiều khiến anh P tử vong, xe máy bị hỏng nặng. Vậy anh M đã vi phạm những loại pháp luật nào dưới đây?

- A. Vi phạm dân sự, hành chính.
- B. Vi phạm hình sự, kỷ luật, hành chính.
- C. Vi phạm hành chính, hình sự, dân sự.
- D. Vi phạm hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật.

Câu 3: Anh T là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh Q là cán bộ chức năng và đề nghị anh Q bỏ qua việc anh T đã không đăng kí giấy phép kinh doanh theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Q đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh T. Trong tình huống trên, anh T đã vi phạm hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 4: Em và một số bạn trong lớp có giấy gọi đi khám nghĩa vụ quân sự, các bạn đã bàn với nhau rủ em trốn không đi hoặc nhờ gia đình hối lộ một số tiền với Ban chỉ huy quân sự của địa phương để không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trong trường hợp này em sẽ giải thích cho các bạn là các bạn không được làm thế và các bạn đã vi phạm pháp luật

- A. hành chính.
- B. giáo dục.
- C. nghĩa vụ quân sự.
- D. an ninh quốc gia.

Câu 5: Anh M là thủ quỹ của một cơ quan Nhà nước. Trong quá trình làm việc anh M nảy sinh lòng tham và thông đồng với anh T kế toán trưởng, chiếm đoạt một số tiền của cơ quan để tiêu xài cá nhân. Anh Y là kế toán viên, phát hiện ra việc làm trên của anh M và anh T nên đã báo cho giám đốc Q. Giám đốc Q do có quan hệ họ hàng với anh M nên đã làm ngơ và bỏ qua. Những ai sau đây phải chịu trách nhiệm kỷ luật ?

- A. Anh Y, M, Q.
- B. Anh M, T, Y, Q.
- C. Anh M, T, Q.
- D. Anh Y, M, T.

Câu 6: Các cá nhân, tổ chức không làm những gì mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Sử dụng pháp luật.
- C. Áp dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 7: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Thực hiện pháp luật.
- B. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.
- C. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- D. Bình đẳng giữa các dân tộc.

Câu 8: Các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước là biểu hiện bình đẳng về:

- A. Bình đẳng về giáo dục
- B. Bình đẳng về chính trị.
- C. Bình đẳng về văn hóa.
- D. Bình đẳng trước pháp luật.

Câu 9: Hành vi nào dưới đây thuộc vi phạm hình sự?

- A. Đánh người gây thương tích 10%.
- B. Vượt đèn đỏ.
- C. Cố ý lây truyền HIV cho người khác.
- D. Người lao động bỏ việc không lí do.

Câu 10: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình làm những gì pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Áp dụng pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 11: Người có năng lực trách nhiệm pháp lí phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối nhận di sản thừa kế.
- B. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.
- C. Tổ chức mua bán nội tạng người.
- D. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.

Câu 12: Anh P và anh S cùng nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh mặt hàng điện tử. Vì còn nhiều giấy tờ không hợp lệ, anh S đã hối lộ năm mươi triệu đồng nhờ ông H lãnh đạo cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ của mình. Ngay lập tức ông H yêu cầu anh T nhân viên dưới quyền của mình làm giấy tờ rồi chính ông cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh cho anh S và trực tiếp loại hồ sơ của anh P. Thấy hồ sơ của mình hợp lệ nhưng bị loại, anh P làm đơn tố cáo gửi tới các cơ quan chức năng. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự chủ đăng ký kinh doanh?

- A. Anh S và anh T.
- B. Ông H và anh T.
- C. Ông H và anh P.
- D. Anh S và ông H.

Câu 13: Chị S muốn đi học để nâng cao trình độ nhưng chồng chị không cho đi vì cho rằng phụ nữ nên dành nhiều thời gian để chăm con và lo cho gia đình. Hành vi của chồng chị S đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về

- A. việc tham gia các hoạt động chính trị xã hội.
- B. tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
- C. giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.
- D. quyền được học tập, lao động cống hiến cho xã hội.

Câu 14: Khi bàn về điểm giống nhau giữa pháp luật và đạo đức, bạn K cho rằng: “đạo đức và pháp luật đều là những quy tắc bắt buộc mọi người phải tuân theo”, bạn N cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi để hướng tới các giá trị xã hội”, bạn T cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên sức ép của dư luận xã hội”, bạn H lại cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên tính tự giác của bản thân. Theo em, quan điểm của bạn nào là đúng?

- A. Bạn T.
- B. Bạn H.
- C. Bạn K.
- D. Bạn N.

Câu 15: Sau khi lấy chị H, anh T bắt chị H phải nghỉ việc để ở nhà chăm sóc gia đình. Bà N, mẹ chồng chị H nói với anh T: Mọi việc chi tiêu, mua bán trong gia đình con đều toàn quyền quyết định vì vợ con chỉ ở nhà, không làm ra tiền. Ông P là bố anh T biết chuyện nhưng không tỏ thái độ gì. Trong trường hợp này, ai đã vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Chị H, anh T và bà N.
- B. Ông P và chị H.
- C. Anh T, ông P và bà N.
- D. Bà N và chị H.

Câu 16: Ông G giám đốc bệnh viện X cùng chị H trưởng phòng tài vụ đặt mua hai máy chạy thận nhân tạo thế hệ mới nhất do anh P phân phối. Khi bàn giao, anh T kỹ thuật viên phát hiện số máy này không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã ký kết nên từ chối nhận và báo cáo toàn bộ sự việc với ông G. Sau đó, khi anh T đi công tác, theo chỉ đạo của ông G, chị H yêu cầu anh S là bảo vệ chuyển toàn bộ số máy này vào khoa cấp cứu của bệnh viện. Trong lần đầu tiên sử dụng máy chạy thận nhân tạo này đã có hai bệnh nhân tử vong. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lí

- A. Chị H, anh P, anh S và ông G.
- B. Chị H, ông G và anh P.
- C. Ông G, anh P và anh S.
- D. Ông G, anh P và anh T.

Câu 17: Để xử lí người có hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của giai cấp cầm quyền, Nhà nước sẽ sử dụng quyền lực có tính cưỡng chế để buộc người vi phạm phải chấm dứt việc làm trái pháp luật. Khẳng định này

- A. đặc trưng của pháp luật.
- B. khái niệm pháp luật.
- C. bản chất của pháp luật.
- D. vai trò của pháp luật.

Câu 18: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất?

- A. Pháp luật là phương tiện hữu hiệu nhất để nhà nước quản lí xã hội.
- B. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí xã hội.
- C. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí công dân.
- D. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lí nhân dân.

Câu 19: Khi dịch Covid bùng phát, chị M đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình mua khẩu trang để tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Việc làm của chị M là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. áp dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. sử dụng pháp luật.
- D. thi hành pháp luật.

Câu 20: Nội dung nào sau đây **không** thuộc nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Mọi doanh nghiệp được vay vốn của nhà nước để phát triển lâu dài.
- B. Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
- C. Mọi doanh nghiệp có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh theo quy định pháp luật.
- D. Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình kinh doanh.

Câu 21: Công dân thực hiện hành vi nào sau đây là tuân thủ pháp luật?

- A. Từ chối che dấu tội phạm.
- B. Chống người thi hành công vụ.
- C. Chiếm đoạt tài sản công cộng.
- D. Đội mũ bảo hiểm điều khiển xe máy khi tham gia giao thông.

Câu 22: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Phòng chống tội phạm.
- B. Trách nhiệm pháp lí.
- C. Vi phạm pháp luật.
- D. Thực hiện pháp luật.

Câu 23: Để đi từ nhà đến trường, nếu đi tắt vào đường một chiều thì T rút ngắn được một quãng đường khá dài nhưng T không bao giờ vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Hành động của T là

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 24: Cơ sở pháp lý để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động cụ thể là thể hiện.

- A. nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.
- B. mục đích kí kết hợp đồng lao động.
- C. nội dung của hợp đồng lao động.
- D. tính chất của hợp đồng lao động.

Câu 25: Trong suốt quá trình cách mạng của nước ta, Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc, tôn giáo và công tác dân tộc, tôn giáo là vấn đề

- A. quan trọng, cần giải quyết kịp thời.
- B. đặc biệt quan trọng, giải quyết dứt điểm.
- C. sách lược cần giải quyết ngay.
- D. chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt.

Câu 26: Theo quy định của pháp luật, người ở độ tuổi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra?

- A. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- B. Từ đủ 18 tuổi trở lên.
- C. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- D. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Câu 27: Khi nói về bản chất của pháp luật, anh K khẳng định pháp luật luôn thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền mà Nhà nước là đại diện. Nhưng chị H và chị X đều phản đối vì cho rằng điều này chỉ đúng trong các Nhà nước trước đây chứ ở nước ta thì không đúng. Chị N đồng ý với anh K nhưng anh M nói thêm pháp luật bắt nguồn từ đời sống xã hội nên nó mang bản chất xã hội. Những ai dưới đây đã hiểu đúng về bản chất của pháp luật?

A. Anh K và chị N.

C. Chị H, chị X và anh M.

B. Anh K, anh M và chị N.

D. Chị H và chị X.

Câu 28: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

A. Vi phạm pháp luật hình sự.

C. Bị xử phạt vi phạm hành chính.

B. Vi phạm kỷ luật.

D. Vi phạm pháp luật hành chính.

Câu 29: Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, phù hợp với pháp luật và không bị phân biệt đối xử là thể hiện

A. bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.

B. bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.

C. bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.

D. bình đẳng trong sử dụng lao động.

Câu 30: Anh K là chủ một cơ sở sản xuất đã làm hồ sơ để thành lập công ty và lôi kéo chị Q góp vốn với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị. Sau khi nhận được 1 tỉ đồng góp vốn của chị Q, anh K bí mật đem theo toàn bộ số tiền đó bỏ trốn nên chị Q đã tố cáo toàn bộ sự việc này với cơ quan chức năng. Anh K phải chịu trách nhiệm pháp lý

A. hình sự và kỉ luật.

C. dân sự và hình sự.

B. dân sự và hành chính.

D. hình sự và hành chính.

----- HẾT -----

Mã đề: 128

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

ĐỀ BÀI

Câu 1: Em và một số bạn trong lớp có giấy gọi đi khám nghĩa vụ quân sự, các bạn đã bàn với nhau rủ em trốn không đi hoặc nhờ gia đình hối lộ một số tiền với Ban chỉ huy quân sự của địa phương để không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trong trường hợp này em sẽ giải thích cho các bạn là các bạn không được làm thế và các bạn đã vi phạm pháp luật

- A. an ninh quốc gia.
- B. giáo dục.
- C. nghĩa vụ quân sự.
- D. hành chính.

Câu 2: Các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước là biểu hiện bình đẳng về:

- A. Bình đẳng về giáo dục
- B. Bình đẳng về chính trị.
- C. Bình đẳng về văn hóa.
- D. Bình đẳng trước pháp luật.

Câu 3: Người có năng lực trách nhiệm pháp lí phải chịu trách nhiệm hành chính khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Lấn chiếm hè phố để kinh doanh.
- B. Tranh chấp quyền lợi khi li hôn.
- C. Từ chối nhận di sản thừa kế.
- D. Tổ chức mua bán nội tạng người.

Câu 4: Chị S muốn đi học để nâng cao trình độ nhưng chồng chị không cho đi vì cho rằng phụ nữ nên dành nhiều thời gian để chăm con và lo cho gia đình. Hành vi của chồng chị S đã vi phạm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng về

- A. tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
- B. quyền được học tập, lao động công hiến cho xã hội.
- C. việc tham gia các hoạt động chính trị xã hội.
- D. giúp đỡ tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Câu 5: Anh T là người kinh doanh đã đưa hối lộ cho anh Q là cán bộ chức năng và đề nghị anh Q bỏ qua việc anh T đã không đăng kí giấy phép kinh doanh theo đúng quy định. Tuy nhiên, anh Q đã từ chối nhận tiền, đồng thời lập biên bản xử phạt anh T. Trong tình huống trên, anh T đã vi phạm hình thức thực hiện pháp luật nào?

- A. Thi hành pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Tuân thủ pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 6: Khi bàn về điểm giống nhau giữa pháp luật và đạo đức, bạn K cho rằng: “đạo đức và pháp luật đều là những quy tắc bắt buộc mọi người phải tuân theo”, bạn N cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi để hướng tới các giá trị xã hội”, bạn T cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên sức ép của dư luận xã hội”, bạn H lại cho rằng: “cả đạo đức và pháp luật đều điều chỉnh hành vi dựa trên tính tự giác của bản thân. Theo em, quan điểm của bạn nào là đúng?

- A. Bạn T.
- B. Bạn H.
- C. Bạn K.
- D. Bạn N.

Câu 7: Công dân thực hiện hành vi nào sau đây là tuân thủ pháp luật?

- A. Đội mũ bảo hiểm điều khiển xe máy khi tham gia giao thông.
- B. Chiếm đoạt tài sản công cộng.
- C. Từ chối che dấu tội phạm.
- D. Chống người thi hành công vụ.

Câu 8: Khi nói về bản chất của pháp luật, anh K khẳng định pháp luật luôn thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền mà Nhà nước là đại diện. Nhưng chị H và chị X đều phản đối vì cho rằng điều này chỉ đúng trong các Nhà nước trước đây chứ ở nước ta thì không đúng. Chị N đồng ý với anh K nhưng anh M nói thêm pháp luật bắt nguồn từ đời sống xã hội nên nó mang bản chất xã hội. Những ai dưới đây đã hiểu đúng về bản chất của pháp luật?

- A. Chị H, chị X và anh M.
- C. Chị H và chị X.

- B. Anh K và chị N.
- D. Anh K, anh M và chị N.

Câu 9: Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình làm những gì pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- C. Sử dụng pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- D. Thi hành pháp luật.

Câu 10: Khi dịch Covid bùng phát, chị M đã sử dụng tiền tiết kiệm của mình mua khẩu trang để tặng cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Việc làm của chị M là thực hiện pháp luật theo hình thức

- A. tuân thủ pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 11: Anh K là chủ một cơ sở sản xuất đã làm hồ sơ để thành lập công ty và lôi kéo chị Q góp vốn với mục đích chiếm đoạt tài sản của chị. Sau khi nhận được 1 tỉ đồng góp vốn của chị Q, anh K bí mật đem theo toàn bộ số tiền đó bỏ trốn nên chị Q đã tố cáo toàn bộ sự việc này với cơ quan chức năng. Anh K phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. dân sự và hình sự.
- C. hình sự và hành chính.
- B. dân sự và hành chính.
- D. hình sự và kỉ luật.

Câu 12: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất?

- A. Pháp luật là phương tiện hữu hiệu nhất để nhà nước quản lí xã hội.
- B. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí xã hội.
- C. Pháp luật là phương tiện duy nhất để nhà nước quản lí công dân.
- D. Pháp luật là phương tiện chủ yếu để nhà nước quản lí nhân dân.

Câu 13: Các cá nhân, tổ chức không làm những gì mà pháp luật cấm là thực hiện pháp luật theo hình thức nào sau đây?

- A. Sử dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- B. Tuân thủ pháp luật.
- D. Áp dụng pháp luật.

Câu 14: Sau khi lấy chị H, anh T bắt chị H phải nghỉ việc để ở nhà chăm sóc gia đình. Bà N, mẹ chồng chị H nói với anh T: Mọi việc chi tiêu, mua bán trong gia đình con đều toàn quyền quyết định vì vợ con chỉ ở nhà, không làm ra tiền. Ông P là bố anh T biết chuyện nhưng không tỏ thái độ gì. Trong trường hợp này, ai đã vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Chị H, anh T và bà N.
- C. Anh T, ông P và bà N.
- B. Ông P và chị H.
- D. Bà N và chị H.

Câu 15: Ông G giám đốc bệnh viện X cùng chị H trưởng phòng tài vụ đặt mua hai máy chạy thận nhân tạo thế hệ mới nhất do anh P phân phối. Khi bàn giao, anh T kỹ thuật viên phát hiện số máy này không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã ký kết nên từ chối nhận và báo cáo toàn bộ sự việc với ông G. Sau đó, khi anh T đi công tác, theo chỉ đạo của ông G, chị H yêu cầu anh S là bảo vệ chuyển toàn bộ số máy này vào khoa cấp cứu của bệnh viện. Trong lần đầu tiên sử dụng máy chạy thận nhân tạo này đã có hai bệnh nhân tử vong. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. Chị H, anh P, anh S và ông G.
- C. Ông G, anh P và anh S.
- B. Chị H, ông G và anh P.
- D. Ông G, anh P và anh T.

Câu 16: Do tức giận chị N đã nói xấu mình với bà Q nên L (học sinh lớp 12) có ý định trả thù chị N. Thấy chị N đi chợ qua nhà L, L cùng chị gái là H chạy đuổi theo đến chợ. Khi chị N đang lom khom mua cá thì L đi đến dùng tay kẹp cổ chị N và kêu H vào hỗ trợ. Chị N không những bị đánh đập mà còn xé rách quần áo và dăng lên mạng xã hội; sau đó chị N vùng dậy, chạy vào cửa hàng quần áo ở gần đó và được chủ cửa hàng cho mượn quần áo để mặc. Do mọi người can ngăn nên chị em L bỏ về. Hành vi của L và H là hành vi

- A. vi phạm pháp luật dân sự.
- B. vi phạm kỉ luật.
- C. vi phạm pháp luật hành chính với hành vi gây rối nơi công cộng.
- D. vi phạm pháp luật hình sự với tội danh làm nhục người khác.

Câu 17: Theo quy định của pháp luật, người ở độ tuổi nào sau đây phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra?

- A. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- B. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- C. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 18: Các dân tộc trong một quốc gia đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ tạo điều kiện phát triển là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Thực hiện pháp luật.
- B. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
- C. Bình đẳng giữa các dân tộc.
- D. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

Câu 19: Nội dung nào sau đây **không** thuộc nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Mọi doanh nghiệp được vay vốn của nhà nước để phát triển lâu dài.
- B. Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
- C. Mọi doanh nghiệp có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh theo quy định pháp luật.
- D. Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình kinh doanh.

Câu 20: Nghĩa vụ mà các cá nhân hoặc tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình là nội dung khái niệm nào sau đây?

- A. Trách nhiệm pháp lí.
- B. Thực hiện pháp luật.
- C. Phòng chống tội phạm.
- D. Vi phạm pháp luật.

Câu 21: Anh M là thủ quỹ của một cơ quan Nhà nước. Trong quá trình làm việc anh M nảy sinh lòng tham và thông đồng với anh T kế toán trưởng, chiếm đoạt một số tiền của cơ quan để tiêu xài cá nhân. Anh Y là kế toán viên, phát hiện ra việc làm trên của anh M và anh T nên đã báo cho giám đốc Q. Giám đốc Q do có quan hệ họ hàng với anh M nên đã làm ngơ và bỏ qua. Những ai sau đây phải chịu trách nhiệm kỷ luật ?

- A. Anh Y, M, T.
- B. Anh M, T, Y, Q.
- C. Anh M, T, Q.
- D. Anh Y, M, Q.

Câu 22: Để đi từ nhà đến trường, nếu đi tắt vào đường một chiều thì T rút ngắn được một quãng đường khá dài nhưng T không bao giờ vi phạm Luật Giao thông đường bộ. Hành động của T là

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 23: Để xử lí người có hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của giai cấp cầm quyền, Nhà nước sẽ sử dụng quyền lực có tính cưỡng chế để buộc người vi phạm phải chấm dứt việc làm trái pháp luật. Khẳng định này

- A. đặc trưng của pháp luật.
- B. bản chất của pháp luật.
- C. khái niệm pháp luật.
- D. vai trò của pháp luật.

Câu 24: Trong suốt quá trình cách mạng của nước ta, Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc, tôn giáo và công tác dân tộc, tôn giáo là vấn đề

- A. quan trọng, cần giải quyết kịp thời.
- B. đặc biệt quan trọng, giải quyết dứt điểm.
- C. sách lược cần giải quyết ngay.
- D. chiến lược có tầm quan trọng đặc biệt.

Câu 25: Anh P và anh S cùng nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh mặt hàng điện tử. Vì còn nhiều giấy tờ không hợp lệ, anh S đã hối lộ năm mươi triệu đồng nhờ ông H lãnh đạo cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ của mình. Ngay lập tức ông H yêu cầu anh T nhân viên dưới quyền của mình làm giấy tờ rồi chính ông cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh cho anh S và trực tiếp loại hồ sơ của anh P. Thấy hồ sơ của mình hợp lệ nhưng bị loại, anh P làm đơn tố cáo gửi tới các cơ quan chức năng. Những ai dưới đây vi phạm quyền tự chủ đăng ký kinh doanh?

- A. Ông H và anh P.
- B. Anh S và ông H.
- C. Anh S và anh T.
- D. Ông H và anh T.

Câu 26: Cơ sở pháp lý để pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động cụ thể là thể hiện.

- A. nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động.
- B. tính chất của hợp đồng lao động.
- C. mục đích kí kết hợp đồng lao động.
- D. nội dung của hợp đồng lao động.

Câu 27: Hành vi nào dưới đây thuộc vi phạm hình sự?

- A. Đánh người gây thương tích 10%.
- B. Vượt đèn đỏ.
- C. Người lao động bỏ việc không lí do.
- D. Cố ý lây truyền HIV cho người khác.

Câu 28: Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, phù hợp với pháp luật và không bị phân biệt đối xử là thể hiện

- A. bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.
- B. bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.
- C. bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
- D. bình đẳng trong sử dụng lao động.

Câu 29: Anh M 37 tuổi, làm cán bộ ở UBND huyện X, trong thời gian nghỉ buổi trưa đã uống rượu ở nhà bạn, trên đường đến cơ quan đã lái xe ô tô với tốc độ rất nhanh nên anh đã tông vào anh P lái xe máy đi cùng chiều khiến anh P tử vong, xe máy bị hỏng nặng. Vậy anh M đã vi phạm những loại pháp luật nào dưới đây?

- A. Vi phạm hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật.
- B. Vi phạm dân sự, hành chính.
- C. Vi phạm hành chính, hình sự, dân sự.
- D. Vi phạm hình sự, kỷ luật, hành chính.

Câu 30: Người nào tuy có điều kiện mà không cứu giúp người đang ở tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, dẫn đến hậu quả người đó chết thì:

- A. Vi phạm pháp luật hình sự.
- B. Vi phạm kỷ luật.
- C. Bị xử phạt vi phạm hành chính.
- D. Vi phạm pháp luật hành chính.

----- HẾT -----

Câu	Mã đề							
	121	122	123	124	125	126	127	128
1	C	A	D	D	C	D	D	C
2	A	D	A	B	A	A	D	B
3	D	C	B	B	C	C	B	A
4	C	D	D	D	C	D	C	D
5	D	B	B	A	A	B	C	C
6	A	D	A	B	D	D	A	D
7	C	A	D	A	A	A	D	C
8	C	A	B	C	B	B	B	D
9	B	C	C	B	C	B	C	C
10	B	B	D	C	B	D	D	D
11	B	C	D	C	B	C	D	A
12	A	B	B	B	C	B	D	A
13	C	B	C	B	C	D	C	B
14	B	C	A	C	B	A	D	C
15	B	C	C	A	D	A	C	B
16	C	C	B	D	A	B	B	D
17	C	B	B	B	D	B	A	B
18	B	B	B	D	D	C	A	C
19	A	B	D	D	B	A	C	A
20	C	B	C	A	A	D	A	A
21	B	A	A	A	C	D	A	C
22	C	A	A	C	D	B	B	B
23	D	A	C	C	B	C	B	A
24	A	D	A	A	C	C	C	A
25	D	D	B	A	D	C	A	B
26	D	A	C	C	D	B	C	D
27	D	A	D	D	B	C	B	D
28	A	D	C	B	A	A	A	B
29	D	D	B	D	A	C	B	A
30	A	C	A	D	C	A	C	A

----- HẾT -----

Kon Tum, ngày tháng 12 năm 2023
Giáo viên ra đề

Nguyễn Thị Nhị Huyền